

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KÌ 2021-2030
HUYỆN KON PLÔNG-TỈNH KON TUM

Kon Plông 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KÌ 2021-2030
HUYỆN KON PLÔNG- TỈNH KON TUM

Ngày.....tháng.....năm 2022
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày.....tháng.....năm 2022
UBND HUYỆN KON PLÔNG

Kon Plông 2022

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	3
1. Đặt vấn đề.....	3
2. Mục tiêu và yêu cầu của dự án.....	4
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở, tài liệu thực hiện dự án	4
4. Sản phẩm của dự án	6
5. Bố cục của báo cáo.....	6
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	7
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	7
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	7
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	11
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	15
1.4. Đánh giá chung.....	16
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	16
2.1. Phân tích khai quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	17
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực.....	17
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	19
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	19
2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	21
2.6. Đánh giá chung.....	24
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	25
3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.....	25
3.2. Phân tích, đánh giá về hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất	25
3.3. Phân tích, đánh giá các yếu tố khác	25
PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	27
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	27
1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	27
1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.	33
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.	35
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT ..	36
2.1. Hiện trạng sử dụng các loại đất năm 2020.....	36
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước.....	41
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	44
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.	48
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	48
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	48

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	52
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ tới ...	54
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI	54
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.	55
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	55
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KÌ 2021-2030 HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM	57
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	57
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	57
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	58
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	59
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	62
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	69
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	71
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	89
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	91
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	91
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng đảm bảo an ninh lương thực.....	91
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	92
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	92
3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên	93
PHẦN IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	94
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG....	94
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	94
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	95
IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC.....	96
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	97

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Đặt vấn đề

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả”. Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được thể hiện trong chương IV với 16 Điều của Luật Đất đai năm 2013. Những quy định nêu trên trong Luật Đất đai năm 2013 đã khẳng định được vai trò, vị trí của quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực sử dụng hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo; khắc phục được những khó khăn, bất cập trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đây chính là căn cứ để văn bản dưới Luật quy định chi tiết trách nhiệm của UBND các cấp trong việc rà soát quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các văn bản khác cũng quy định chi tiết quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Với vai trò của quy hoạch sử dụng đất đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương, trong nhiều năm qua, công tác quy hoạch sử dụng đất các cấp đã được tăng cường đẩy mạnh cả về quy mô và chất lượng. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Kon Plông, Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (2016-2020) tỉnh Kon Tum được phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý trong việc quản lý và cơ bản đáp ứng được nhu cầu đất để thực hiện các chương trình, dự án cũng như các mục tiêu đề ra, góp phần tích cực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai theo quy hoạch và pháp luật. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 thông qua thực tiễn triển khai đã cho thấy được vai trò và tầm quan trọng của công tác quy hoạch trong thực tiễn quản lý và sử dụng đất đai. Năm 2020 là năm thực hiện kế hoạch cuối cùng trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020, trong khi nhu cầu về sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực vẫn rất lớn. Để đáp ứng yêu cầu sử dụng đất để đáp ứng phát triển các ngành, lĩnh vực từ nay đến 2030 trên địa bàn huyện cần thiết phải tiếp tục xây dựng quy hoạch sử dụng đất cho giai đoạn 2021-2030, nhằm đáp ứng kịp thời về yêu cầu quản lý, sử dụng đất một cách hợp lý, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo sự bền vững về môi trường sinh thái cũng như đảm bảo thực hiện đúng chính sách Pháp luật của Nhà nước về đất đai.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-

2030 đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, UBND huyện Kon Plông tiến hành lập “**Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum**”. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất...phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu và yêu cầu của dự án

2.1. Mục tiêu dự án

- Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Kon Plông nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền (huyện, thị trấn, xã) tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của giai đoạn 2011-2020. Rà soát kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 2011-2020, xây dựng các nội dung cần thực hiện từ nay đến năm 2030.

- Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 đánh giá tổng quát về nguồn tài nguyên đất đai hiện có, bổ sung, xây dựng, lựa chọn phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

2.2. Yêu cầu dự án

- Quy hoạch phải được xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Kon Plông, trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch của tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 tỉnh Kon Tum; Các Quy hoạch ngành tỉnh Kon Tum...)

- Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 huyện Kon Plông làm cơ sở cho việc lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông, thủy lợi và các quy hoạch khác trên địa bàn huyện. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt, các xã, thị trấn phải triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cơ sở mình cùng kỳ.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở, tài liệu thực hiện dự án

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Thủ tướng Chính phủ ban hành về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.
- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030.
- Thông báo số 219/TB-VPCP ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác quy hoạch.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/2/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 2017;
- Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ về phê duyệt nghiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ về thi hành chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch 2017;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Quyết định số 581/QĐ – TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực từ ngày 26/5/2021;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Công văn số 1914/UBND-NNTN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và Luật Lâm nghiệp khi tham mưu giải quyết hồ sơ về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư;
- Công văn số 2440/UBND-HTKT ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh;
- Thông báo số 3867/TB-VP ngày 19/11/2021 về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Ngọc Sâm tại buổi làm việc chiều ngày 17 tháng 11 năm 2021.

- Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum “V/v Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu điều chỉnh quy hoạch huyện Kon Plông”;

- Văn bản số 3460/UBND-NNTN ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030;

- Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Kon Plông

- Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 2 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Các Nghị quyết, Báo cáo của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Kon Plông, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030;

Kết quả thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2020 của các xã và huyện Kon Plông.

4. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Kon Plông

- Hệ thống bản đồ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Các bản đồ chuyên đề và báo cáo thuyết minh chuyên đề theo dự toán.

5. Bố cục của báo cáo

Đặt vấn đề

Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai

Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Phần IV: Giải pháp thực hiện

Kết luận và kiến nghị

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Kon Plông nằm phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, có tọa độ địa lý và ranh giới hành chính như sau:

- Tọa độ địa lý:

+ Từ $14^{\circ}19'55''$ đến $14^{\circ}46'10''$ Vĩ độ Bắc;

+ Từ $108^{\circ}03'45''$ đến $108^{\circ}22'40''$ Kinh độ Đông.

- Ranh giới hành chính:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam;

+ Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi;

+ Phía Nam giáp huyện KBang, tỉnh Gia Lai và huyện Kon Rẫy;

+ Phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Đăk Hà và huyện Kon Rẫy.

Huyện Kon Plông nằm trong vùng Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, có nhiều cơ hội mở rộng hợp tác và hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, quốc tế. Trung tâm huyện cách thành phố Kon Tum cách khoảng 54 km, Cửa khẩu quốc tế Pờ Y khoảng 150 km; cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 140 km theo quốc lộ 24 và cảng Dung Quất (Quảng Ngãi) khoảng 200 km, cùng với thiên nhiên ưu đãi về khí hậu phù hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đây là điều kiện thuận lợi để tạo đà phát triển kinh tế - xã hội của huyện; thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh doanh, mở rộng thị trường, tạo cơ hội việc làm và tăng thu nhập đặc biệt là khu vực nông thôn; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho sản xuất.

Huyện cũng là nơi đầu nguồn sinh thủy của các hệ thống sông lớn chảy xuống các vùng, là nơi có diện tích rừng đầu nguồn của thủy điện Ya Ly và công trình thủy lợi Thạch Nham....; vì vậy, huyện có vị trí quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái không những của tỉnh Kon Tum mà còn của vùng Duyên hải Nam Trung bộ....

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình Kon Plông chia thành 3 dạng chủ yếu sau:

- Có độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 1.000 - 1.848m, chiếm phần lớn diện tích huyện (khoảng 45%) phân bố ở phía Bắc, phía Tây và phía Nam huyện. Đây là địa hình chia cắt hiểm trở với những đỉnh núi cao như Ngok Ring 1848m (thuộc khu vực các xã Măng Buk, Đăk Ring); Ngok Boc 1 là 1757m; Ngok Boc 2 là 1728 m (thuộc khu vực các xã Măng Buk, Ngok Tem)...

Dạng địa hình này thích hợp phát triển tài nguyên rừng và hiện tại tài nguyên rừng của huyện tập trung chủ yếu ở đây, vì vậy mục tiêu hàng đầu là phải bảo vệ, khai thác tốt rừng đầu nguồn.

Có độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 500 – 800m, phân bố chủ yếu trên địa bàn xã Măng Cành, thị trấn Măng Đen, Xã Hiếu. Đây là vùng đất đỏ Bazan có thể phát triển các loại cây công nghiệp như chè, cà phê, các loại cây ăn quả khác và phát triển ngành du lịch sinh thái.

- Phân bố xen kẽ trong vùng núi trung bình và núi thấp theo các nhánh sông Đắk Ring, Đắk Rô Man. Trong địa hình thung lũng này được chia làm 3 dạng địa hình cực nhỏ gồm: các vùng trũng theo các suối, các hợp thủy. Dạng địa hình này tuy diện tích không lớn nhưng có điều kiện thuận lợi để phát triển lúa nước.

Nhìn chung, địa hình của huyện Kon Plông rất phức tạp. Mức độ chia cắt lớn, độ dốc cao, giao thông đi lại khó khăn và ảnh hưởng đến việc xây dựng các công trình công cộng cũng như tổ chức sản xuất... Bên cạnh những khó khăn trên, với địa hình có độ dốc cao và có nhiều con sông lớn thuận lợi cho xây dựng thủy điện tạo nguồn năng lượng cho địa phương và quốc gia.

1.1.3. Khí hậu

Khí hậu huyện Kon Plông là khí hậu chuyển tiếp từ Đông - Tây Trường Sơn, tuy nhiên khu vực phía Tây bắc của huyện có địa hình cao, nên chế độ nhiệt - ẩm của 02 khu vực nói trên có khác biệt. Căn cứ vào các chỉ tiêu nhiệt - ẩm, huyện Kon Plông chia thành thành 02 tiểu vùng khí hậu sau:

- **Tiểu vùng I:** Là khu vực các thung lũng hẹp, núi cao có độ cao phổ biến trên 1000m phía Tây - Bắc của huyện bao gồm các xã Măng Buk, Đắk Ring, 2/3 xã Ngọc Tem (khu vực Tây Bắc xã), xã Măng Cành, chiếm khoảng 2/3 diện tích của huyện.

- **Tiểu vùng II:** Là khu vực thung lũng, núi cao có độ cao dưới 1000m thuộc khu vực phía Đông của huyện bao gồm các xã: Hiếu, Pờ Ê, 1/2 xã Ngọc Tem chiếm khoảng 1/3 diện tích của huyện.

Đặc trưng về khí hậu của huyện như sau:

Nhiệt độ:

Chế độ nhiệt tại huyện Kon Plông là chế độ nhiệt đới gió mùa cao nguyên. Nền nhiệt tương đối thấp, nhưng có sự phân hoá rõ rệt giữa các vùng theo độ cao, thông thường khi lên cao 100m nhiệt độ không khí giảm từ 0,5-0,6⁰C. Do địa hình của huyện Kon Plông có độ cao thấp dần từ Tây Bắc - Đông Nam. Khu vực phía Tây Bắc có độ cao phổ biến trên 1000m, khu vực phía Đông có độ cao phổ biến từ 700-1000m, do vậy nhiệt độ tại khu vực phía Đông Nam cao hơn khu vực phía Tây Bắc huyện phổ biến từ 2-3⁰C.

Tổng nhiệt độ tại khu vực huyện ở mức tương đối thấp, khu vực Tây Bắc

phổ biến từ 6800⁰C-7200⁰C, khu vực còn lại từ 7300-7800⁰C.

Nhiệt độ không khí trung bình Kon Plông năm từ 17,5-22,7⁰C.

Tháng 4, 5 là tháng có số giờ nắng cao, độ cao mặt trời tăng so với các tháng 1, 2, 3, do vậy nhiệt độ cao nhất cũng xảy ra vào thời kỳ này với nhiệt độ cao nhất trung bình 28 - 30⁰C;

Tháng 12, 1 là tháng có độ cao mặt trời thấp nhất và chịu ảnh hưởng trực tiếp của không khí lạnh nên nhiệt độ thấp nhất cũng xảy ra vào thời gian này, với nhiệt độ thấp nhất phổ biến là 6-9,5⁰C.

Chế độ mưa:

Chế độ mưa tại khu vực huyện phụ thuộc vào chế độ gió mùa và địa hình. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 06 cho đến tháng 12 là do tác động của gió Mùa Tây Nam và gió Đông Bắc mang lại, Lượng mưa tại các khu vực có địa hình khác nhau cũng khác nhau; tại khu vực Tây Bắc huyện do có địa hình núi cao đón gió Tây Nam, gió Đông Bắc do vậy lượng mưa lớn hơn phổ biến đạt trên 2400mm; khu vực phía Đông còn lại của huyện phổ biến là địa hình núi, thung lũng có độ phổ biến 700-1000m, có lượng mưa phổ biến là 2000-2400mm.

Trong các tháng vụ đông xuân từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, có nhiều ngày có mưa, lượng mưa chiếm khoảng 40% tổng lượng mưa năm. Các tháng mùa mưa có số ngày có mưa phổ biến trên 20 ngày (các tháng 7, 8, 9, 10, 11) và có trên 15 ngày vào tháng 6, 12.

Chế độ ẩm:

Độ ẩm không khí phụ thuộc vào chế độ mưa, tháng mưa nhiều thì độ ẩm cao và ngược lại. Tại huyện Kon Plông khu vực Tây Bắc có địa hình núi cao, mưa nhiều do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực Phía Đông của huyện. Độ ẩm thấp nhất xảy ra vào các tháng 3, 4 phổ biến từ 75-77%, cao nhất xảy ra vào các tháng 8, 9, 10, 11 phổ biến là 91-92%.

Nhìn chung, huyện có khí hậu mát mẻ, rất thích hợp với việc phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng. Mùa nắng hạn hán thường xảy ra ở khu vực các xã Đăk Nền, Đăk Ring và Ngọc Tem gây thiếu nước làm ảnh hưởng đến năng suất lúa mùa vụ. Mùa Đông thường gây giá lạnh làm thiệt hại đến gia súc gia cầm, hạn chế trong lao động sản xuất, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, sự phát triển của cây trồng vật nuôi. Tuy nhiên, rất thích hợp cho việc phát triển rau, hoa, quả xứ lạnh.

Chế độ khí hậu đặc trưng như trên cùng với sự đa dạng về địa hình và thổ nhưỡng cho phép huyện Kon Plông có thể phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi, rừng đa dạng sinh học có nguồn gốc nhiệt đới. Khí hậu có sự pha trộn mùa Đông Tây Nguyên và mùa Đông miền Bắc nên mùa khô chỉ kéo dài trong vòng 2 tháng, vì vậy có thể trồng được các loại cây trồng vật nuôi có nguồn gốc nhiệt đới như rau quả các loại, chè, cà phê, các loại cây lâm đặc sản, quế, bời lời, chần

nuôi trâu, bò và phát triển phát triển du lịch v.v...

1.1.4. Thủy văn

Huyện là nơi đầu nguồn sinh thủy của các hệ thống sông lớn chảy xuống các vùng Duyên hải, là nơi đầu nguồn của thủy điện Ya Ly, Thượng Kon Tum, Đăk Đrinh và công trình thủy lợi Thạch Nham... nên có hệ thống sông suối khá dày và phân bố khá đều, bao gồm những sông, suối chính sau:

- *Nhánh sông ĐăkPne*: Dài khoảng 30 km, là chi lưu của sông Đăk Bla. Vùng đầu nguồn được tạo nên bởi các hợp thủy và các nhánh suối nhỏ chảy từ xã Măng Cành đổ về huyện Kon Rẫy. Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

- *Sông Đăk Nghé*: Chảy qua địa bàn huyện Kon Plông là một trong những nhánh chính của Sông Đăk Bla. Sông bắt nguồn từ xã Măng Buk đến hết địa bàn huyện và gặp Sông Đăk Ne huyện Kon Rẫy, có chiều dài trong địa bàn huyện là 61 km, bắt nguồn từ độ cao 1660 m so với mực nước biển và kết thúc tại đầu nguồn sông Đăk Ne là 860 m. Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

- *Sông Đăk Lò*: Chảy qua xã Ngọc Tem, có chiều dài khoảng 15 km đổ về tỉnh Quảng Ngãi. Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

- *Sông Đăk Ring*: Chảy qua xã Đăk Ring, có chiều dài khoảng 20 km đổ về tỉnh Quảng Ngãi Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

- *Suối Tư Meo*: Chảy dọc ranh giới xã Đăk Ring, có chiều dài khoảng 20 km. Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, huyện còn có một số sông, suối thuộc lưu vực sông Trà Khúc với các sông suối chính sau:

- Sông Nam Voo có chiều dài trong địa bàn huyện 24 km.
- Suối Đăk Đrinh có chiều dài trong địa bàn huyện là 24 km.
- Suối Đăk Lô chiều dài 26 km.
- Suối Đăk Xờ Rạch chiều dài 33 km.
- Suối Đăk Re chiều dài 21 km.

Nhìn chung, mật độ sông suối trên địa bàn huyện khá dày đặc với 0,86 km/km².

Một trong những đặc điểm quan trọng nữa của các con sông trong huyện là biến đổi mạnh mẽ theo thời gian. Hàng năm có hai mùa dòng chảy: mùa lũ và mùa kiệt, với lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm trên dưới 70% lượng dòng chảy năm và lượng dòng chảy mùa kiệt chỉ chiếm khoảng 30% lượng dòng chảy

năm, các tháng II, III và tháng IV là thời điểm kiệt nhất.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Bảng Diện tích các nhóm đất chính toàn huyện so với toàn tỉnh

TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích toàn huyện (ha)	Tỷ lệ so với TTN toàn huyện (%)
I . NHÓM ĐẤT PHÙ SA		P	1.614,00	1,18
1	Đất phù sa được bồi chua	Pbc	-	-
2	Đất phù sa không được bồi chua	Pc	-	-
3	Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	-	-
4	Đất phù sa ngòi suối	Py	1.614,00	1,18
II . NHÓM ĐẤT XÁM VÀ BẠC MÀU		X;B	-	-
5	Đất xám trên phù sa cổ	X	-	-
6	Đất xám trên đá Macma axit và đá cát	Xa	-	-
III . NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG		F	42.330,00	30,88
7	Đất nâu đỏ trên đá Bazan	Fk	1.560,00	1,14
8	Đất nâu vàng trên đá Bazan	Fu	187,00	0,14
9	Đất đỏ vàng trên đá Sét và biến chất	Fs	32.978,00	24,06
10	Đất vàng đỏ trên đá Macma axit	Fa	7.605,00	5,55
11	Đất vàng nhạt trên đá Cát	Fq	-	-
12	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	-	-
IV . NHÓM ĐẤT MÙN VÀNG ĐỎ TRÊN NÚI		H	91.037,00	66,41
13	Đất mùn nâu đỏ trên đá Bazan	Hk	15.637,00	11,41
14	Đất mùn đỏ vàng trên đá Sét và biến chất	Hs	30.268,00	22,08
15	Đất mùn vàng đỏ trên đá Macma axit	Ha	45.132,00	32,92
V . NHÓM ĐẤT THUNG LŨNG		D	38,00	0,03
16	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	38,00	0,03
CỘNG			135.019,00	98,49
	Đất khác (sông, suối, ao hồ...)		2.105,57	1,51
TỔNG DT TỰ NHIÊN			137.124,57	100,00

a. Nhóm đất phù sa (đất phù sa ngòi suối Py):

- Diện tích: 1.614,0 ha, chiếm 1,17% diện tích toàn huyện và chiếm 14,03% loại đất phù sa ngòi suối của tỉnh.

Phân bố dọc theo các dòng suối hẹp, dốc, có dòng chảy mạnh. Vì vậy, dáng đất thường là các dải đất rất hẹp, cao thoát nước và được bồi đắp phù sa hàng năm.

Khả năng sử dụng:

Nhóm đất phù sa trong huyện thường phân bố ở ven suối, gần khu dân cư, có điều kiện tưới tiêu tương đối chủ động. Đây là một loại đất có khả năng thích hợp khá cao cho nhiều loại cây trồng cận nhiệt đới, đang sử dụng rất đa dạng từ lúa 2 vụ, cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

b. Nhóm đất đỏ vàng (F):

Diện tích: 42.330,0 ha, chiếm 30,65% diện tích toàn huyện, đây là nhóm

đất có diện tích khá lớn chỉ sau nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi. Đất hình thành từ các đá mẹ và mẫu chất khác nhau, phân bố trong vành đai khí hậu nhiệt đới ẩm, có quá trình phá hủy khoáng sét và tích tụ sắt nhôm (còn gọi là quá trình Ferralic) chiếm ưu thế; vì vậy ở tầng tích tụ đất có màu đỏ vàng là chủ đạo. Nhóm đất đỏ vàng ở huyện phân thành 04 loại sau:

- *Đất nâu đỏ trên đá Bazan (Fk)*: Diện tích 1.560,0 ha, chiếm 1,13% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Trong các đất đồi núi ở Kon Plông nói riêng và ở tỉnh Kon Tum nói chung, đất nâu đỏ trên Bazan là loại đất tốt nhất. Phần lớn chúng có tầng dày và phân bố ở địa hình ít dốc. Có nhiều ưu điểm cả về cấu trúc cơ lý đất và hàm lượng các yếu tố dinh dưỡng. Hạn chế chính đối với đất nâu đỏ Bazan là thường phân bố ở địa hình cao, khan hiếm về nguồn nước. Từ những đặc điểm trên, đất có phạm vi thích nghi khá rộng đối với nhiều loại cây trồng cận, lâu năm hoặc hàng năm khác nhau như: Cao su, Cà phê, Tiêu..., các cây hoa màu lương thực, đậu đỗ các loại,...Việc bố trí chủng loại cây gì trên đất này là tùy thuộc vào độ sâu và khả năng khai thác nước ngầm và tùy thuộc vào hiệu quả kinh tế cây trồng.

- *Đất nâu vàng trên đá Bazan (Fu)*: Diện tích 187,0 ha, chiếm 0,14% diện tích tự nhiên toàn huyện.

So với đất nâu đỏ trên đá Bazan, đất nâu vàng trên đá Bazan có hàm lượng dinh dưỡng thấp hơn, đất chua hơn, tuy nhiên, đất nâu vàng trên đá Bazan vẫn là một trong những đất có dinh dưỡng khá cao. Những hạn chế chính của đất là đất tầng mỏng và cũng như đất nâu đỏ trên đá Bazan được phân bố ở địa hình cao và khan hiếm nguồn nước. Vì vậy phạm vi thích nghi với các loại cây trồng của đất chủ yếu phù hợp với các cây hàng năm như hoa màu, lương thực, đậu đỗ và một số cây lâu năm như cà phê.

- *Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Fs)*: Diện tích 32.978,0 ha, chiếm 23,88% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Đất vàng đỏ trên phiến sét, biến chất nhìn chung có độ phì nhiêu thấp, tầng đất thường mỏng và trung bình, nên khả năng sử dụng cho nông nghiệp có hạn chế. Phần nhiều sử dụng cho lâm nghiệp, hoặc nông lâm kết hợp.

- *Đất vàng đỏ trên đá mác ma axit (Fa)*: Diện tích 7.605,0 ha, chiếm 5,51% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Đất vàng đỏ trên đá Mácmatit acid tuy có diện tích lớn, nhưng chất lượng rất kém, lại phân bố ở địa hình cao, dốc. Khả năng cho sản xuất nông nghiệp có hạn chế. Nên giành quỹ đất này cho việc tái tạo và bảo vệ rừng đầu nguồn cho huyện và cho cả khu vực. Một số chân đất có độ dốc nhỏ, tầng đất dày có thể sử dụng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và hoa màu.

c. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H):

Diện tích: 91.037,0 ha, chiếm 65,91% diện tích toàn huyện, đây là nhóm

đất có diện tích lớn nhất trên địa bàn huyện. Phân bố ở các vùng núi, thường trên các đồi cao trên 900m, căn cứ vào mẫu chất, đặc điểm đất, nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi được chia ra 3 đơn vị phân loại :

- *Đất mùn nâu đỏ trên đá Bazan (Hk)*: Diện tích 15.637,0 ha, chiếm 11,32% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- *Đất mùn đỏ vàng trên đá sét và biến chất (Hs)*: Diện tích 30.268,0 ha, chiếm 21,91% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- *Đất mùn vàng đỏ trên đá mác ma axít (Ha)*: Diện tích 45.132,0 ha, chiếm 32,68% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Các đất mùn vàng đỏ trên núi phân bố ở đồi cao nên không có khả năng phát triển nông nghiệp.

d. Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D):

- Diện tích: 38,0 ha, chiếm 0,03% diện tích toàn huyện.

Khả năng sử dụng: Hầu hết diện tích đất đã được sử dụng để trồng lúa nước, rau màu. Tuy nhiên sản xuất bắp bênh do thường bị lũ quét, thường hay bị ngập trong mùa mưa.

e. Nhóm đất khác (đất xây dựng, hồ...): Diện tích 3.096,92 ha, chiếm 2,24% diện tích toàn huyện.

1.2.2. Tài nguyên nước

a. Nước mặt: Nước mặt huyện Kon Plông tương đối phong phú với hệ thống sông suối khá đồng đều có nước quanh năm bao gồm sông Đăk Pônê, sông Đăk Snghé, sông Đăk Lò, sông Đăk Ring, suối Đăk Rơ Manh, suối Đăk Tà Meo, hồ thủy điện Đăk Ring... Lượng mưa bình quân từ 2.000-2.400 mm/năm nên nguồn nước mặt rất lớn. Nhưng 70% lượng mưa tập trung vào các tháng mùa mưa và hệ thống sông suối Kon Plông nhỏ, hẹp, có nhiều ghềnh thác, sườn dốc đứng nên khả năng giữ nước hạn chế... nên việc xây dựng các công trình thủy lợi để sản xuất nông nghiệp rất phức tạp và khó khăn. Do vậy, xây dựng các công trình thủy lợi là rất quan trọng trong việc điều hoà nguồn nước phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân đòi hỏi đầu tư rất lớn; đây cũng là điều kiện để phát triển hệ thống thủy điện vừa và nhỏ:

Trong năm tới trên địa bàn huyện sẽ xây dựng thêm các hồ chứa lớn ở các lưu vực sông, suối có thể xây dựng các công trình thủy lợi để mở rộng diện tích cây trồng được tưới và xây dựng thủy điện như thủy điện Thượng Kon Tum, Đăk Re, Đăk Lô và nhiều công trình thủy lợi vừa và nhỏ khác...

Việc xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn huyện sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum nói chung và huyện nói riêng.

b. Nước ngầm: Huyện chưa có số liệu khảo sát về nước ngầm, qua điều tra thực tế những giếng đào của người dân trong huyện đào giếng lấy nước phục vụ sinh hoạt ở độ sâu khoảng 12-15m cho thấy trữ lượng nước khá dồi dào, đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; tuy vậy, muốn khai thác cần phải

có đầu tư lớn.

1.2.3 Tài nguyên rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 113.465,03 ha chiếm 82,75% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó đất rừng sản xuất là 74.055,49 ha chiếm 65,27% so với tổng diện tích đất lâm nghiệp, rừng phòng hộ là 39.409,54 ha chiếm 34,73% so với tổng diện tích đất lâm nghiệp.

Tài nguyên rừng của huyện rất đa dạng và nhiều loại gỗ quý như: Trắc, Hương, Huỳnh Đàn, Pơ Mu... và nhiều loại gỗ khác. Các loại cây được trồng trên địa bàn có thể sử dụng được để phát triển tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp phù hợp với thổ nhưỡng như: cây dó bầu, song mây, bời lồi, quế, thảo quả, các loại lâm sản dưới tán rừng rất phong phú, đa dạng ... Ngoài ra rừng có rất nhiều tre, nứa, lồ ô, song mây... là nguồn nguyên liệu dồi dào phục vụ cho nhu cầu phát triển các ngành nghề truyền thống. Đây là nguồn nguyên liệu quan trọng được quan tâm khai thác hợp lý, bảo vệ và tu bổ, cải tạo rừng.

Rõ ràng tài nguyên rừng là một trong những tài nguyên quý và thế mạnh của huyện Kon Plông. Nhiệm vụ cần thiết là phải bảo vệ và khai thác hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.2.4 Tài nguyên khoáng sản:

Theo số liệu điều tra địa chất khoáng sản tỉnh Kon Tum cho thấy trên địa bàn huyện có những loại khoáng sản sau:

- *Quặng Bô xít*: Phân bố trên địa bàn xã Măng Cành và Thị trấn Măng Đen, trữ lượng chưa được khảo sát, tuổi còn non. Nguồn khoáng sản này chưa có ý nghĩa quan trọng trong tương lai gần.

- *Quặng Sắt* ở xã Hiếu, trữ lượng 462.000 tấn với diện tích 50 ha, có khả năng khai thác tốt.

- *Mỏ đá Granit* ở xã Đăk Ring, trữ lượng khoảng 13.000m³ có khả năng khai thác tốt.

- *Nước khoáng*: ở các xã Ngọc Tem và xã Đăk Nén đã phát hiện các nguồn nước khoáng nóng. Đây là một nguồn nước có tính trị liệu cao, có thể khai thác phục vụ nhân dân và khách du lịch nghỉ dưỡng.

Tài nguyên khoáng sản được tổ chức khai thác tốt là nguồn lực góp phần phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn:

Trên địa bàn huyện Kon Plông có các thành phần dân tộc sinh sống nhưng chủ yếu là dân tộc thiểu số: dân tộc Xê Đăng, dân tộc Hre và dân tộc Kinh, trong đó phần lớn là dân tộc Xê Đăng chiếm 80%, dân tộc Kinh chỉ có khoảng chiếm 10%. Đã từ lâu, bản sắc truyền thống còn được lưu giữ trong từng bản làng, các truyền thống như vũ hội cồng chiêng, ẩm thực truyền thống...

Trên địa bàn huyện có di tích lịch sử cần được bảo vệ và trùng tu, tôn tạo

nghư di tích lịch sử Măng Đen... Việc khai thác, tôn tạo, giữ gìn các di tích văn hoá và danh lam thắng cảnh hiện có là cơ sở để phát triển ngành du lịch, thu hút khách tới tham quan, nghỉ dưỡng, tìm hiểu về kiến trúc, sinh hoạt, tập quán, lễ nghi, nghệ thuật của dân tộc đã tạo nên nền văn hoá mang bản sắc riêng của huyện.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Vị trí của huyện Kon Plông có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bởi vì huyện là vùng đầu nguồn sinh thủy thuộc lưu vực của công trình thủy điện Ya Ly, thủy điện Sê San 3, thủy điện Thượng Kon Tum, thủy điện Đăk Ring, công trình thủy lợi, thủy điện Thạch Nham, các công trình thủy điện khác đã và đang được khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng.

-Môi trường đất: Huyện Kon Plông còn có 808,07 ha đất chưa sử dụng, trong đó, diện tích đất thoái hóa chiếm khoảng 30%. Nguyên nhân chủ yếu là do kỹ thuật canh tác theo lối tự phát không tuân thủ các quy trình kỹ thuật nhằm bảo vệ và nâng cao độ phì đất, bảo vệ đất. Do địa hình dốc, núi cao và chia cắt mạnh, vào mùa mưa tầng đất mặt cũng đang bị xâm thực mạnh mẽ; hiện tượng xói mòn, rửa trôi xảy ra khi có lượng mưa tập trung với cường độ mạnh.

-Môi trường nước: Ngành TTCN cũng như các ngành nghề khác chưa phát triển, do đó lượng nước thải hiện tại chưa đáng kể. Tuy nhiên môi trường nước đang có nguy cơ bị ô nhiễm do tài nguyên rừng đang ngày càng bị khai thác và nhân dân trong vùng đa số chưa xây dựng chuồng trại gia súc.

-Môi trường không khí: Hiện nay, môi trường không khí chưa bị ô nhiễm bởi các cơ sở phát triển công nghiệp–TTCN, chất thải y tế, chỉ bị ảnh hưởng nhẹ vì bụi do việc thi công các tuyến đường, xây dựng các công trình thủy điện, khai hoang mở rộng đất nông nghiệp,... Các ô nhiễm trên không đáng kể, nên môi trường không khí của huyện còn trong lành, với lợi thế về khí hậu mát mẻ, rất thích hợp với việc phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng.

-Khai thác tài nguyên rừng, hoạt động khai thác tài nguyên rừng trong những năm gần đây khá mạnh, hậu quả để lại là đất bị xói mòn, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tính đa dạng sinh học có hiện tượng bị suy giảm.

-Các hoạt động kinh tế vùng nông thôn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên chưa có thói quen sử dụng các chất hóa học, thuốc trừ sâu nên đất đai ô nhiễm do hóa chất chưa phải là vấn đề đáng lo ngại mà vấn đề quan trọng hơn là các biện pháp ổn định và nâng cao đời sống, xóa bỏ du canh du cư, đốt rừng làm nương rẫy, các biện pháp kỹ thuật canh tác trên đất dốc.

-Vấn đề nhà ở, nước sinh hoạt và công trình vệ sinh ở nông thôn cũng cần được đặt ra và quan tâm thích đáng..

Tác động của sự biến đổi khí hậu:

-Đối với Kon Tum nói chung và huyện nói riêng là đầu nguồn sinh thủy của các hồ thủy điện và công trình thủy lợi, sự biến đổi của khí hậu toàn cầu đã,

đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến tài nguyên nước. Theo các nghiên cứu, khoảng năm 2070, với bản kịch nhiệt độ không khí tăng thêm 2,5 đến 4,50 lượng dòng chảy sông ngòi cũng sẽ biến đổi tùy theo mức độ biến đổi của lượng mưa. Nếu lượng mưa giảm 10% thì dòng chảy năm có thể giảm 17 – 53%.

Ngoài ra, hiện tượng El – nino và La- nina cũng ảnh hưởng đáng kể đến các yếu tố, khí hậu thủy văn và tài nguyên nước của tỉnh. Những đợt hạn hán nặng nề trên diện rộng ở tỉnh Kon Tum thường xảy ra vào các năm El-ninô mạnh, như các đợt El-ni nô năm 1998, năm 2014.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi

- Nguồn tài nguyên rừng lớn, sinh thái đa dạng, thuận lợi cho khai thác đất đai phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp, tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân trong huyện.

- Có hệ sinh thái đa dạng, nhiều tiềm năng phát triển du lịch và đã được xác định là 1 trong 31 khu vực quy hoạch phát triển du lịch có quy mô và tiềm năng du lịch đặc biệt nổi trội cần được Nhà nước ưu tiên đầu tư để phát triển.

- Huyện có khí hậu, thời tiết thuận lợi phát triển các loại rau, hoa, quả xứ lạnh và nuôi cá nước lạnh.

- Huyện là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, suối có địa hình thuận lợi cho việc xây dựng các hồ thủy điện như thủy điện thượng Kon Tum, Đăk Dring...) kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp và mở rộng diện tích canh tác, thâm canh, tăng vụ, khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp...

1.4.2. Hạn chế

- Địa hình phức tạp, bị chia cắt, đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa, đất đai luôn bị xói mòn, rửa trôi do đặc điểm địa hình chủ yếu là đồi núi, mức độ chia cắt mạnh đã ảnh hưởng nhiều đến bố trí sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông và thủy lợi.

- Mạng lưới sông ngòi tương đối dày, nhưng do địa hình dốc và chia cắt mạnh nên không tận dụng được lượng nước tưới trực tiếp cho đồng ruộng, mà cần phải xây dựng hệ thống hồ đập với quy mô lớn mới có thể đưa được nước về tưới sản cho đất sản xuất.

- Nền kinh tế xuất phát thấp là một thách thức lớn về cạnh tranh kêu gọi đầu tư, khai thác đất đai, tìm kiếm thị trường nội địa cũng như thị trường khu vực và quốc tế.

- Huyện là một trong 62 huyện nghèo trên toàn quốc, các nguồn vốn tài trợ từ Trung ương, các tổ chức trong nước và nước ngoài để xây dựng hạ tầng cơ sở, thu hút đầu tư khai thác tiềm năng đất đai. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là ngân sách Nhà nước hàng năm chưa đáp ứng đủ nhu cầu, cơ chế điều tiết chưa tạo động lực phát triển.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, mạng lưới giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu cấp thiết cho sản xuất, trao đổi hàng hóa và đời sống nhân dân. Việc cung cấp nước sạch nông thôn, cấp điện nông thôn còn hạn chế nhất là ở các vùng sâu, vùng xa.

- Tình trạng phá rừng làm nương rẫy vẫn còn. Chương trình xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm tiến hành còn chậm.

- Kon Plông là huyện miền núi, đồng bào dân tộc chiếm trên 90%, trình độ dân trí, trình độ lao động còn thấp. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Đây là một thách thức lớn cho công cuộc đổi mới và phát triển nhanh nền kinh tế của huyện.

- Thiên tai hạn hán vẫn còn diễn biến phức tạp tác động rất lớn đến quá trình sử dụng đất.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Phân tích khai quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế trong năm 2020 phát triển ổn định. Với sự lãnh chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, sự nỗ lực điều hành của Chính quyền các cấp, sự quan tâm phối hợp của Mặt trận và các đoàn thể, cùng với sự hưởng ứng, thực hiện của người dân, kết quả các mặt về KTXH, ANQP của huyện năm 2020 đạt được kết quả như sau:

Tổng giá trị sản xuất năm 2020 đạt 2.397,6 tỷ đồng, đạt 98,2% KH. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản: 20,7%; công nghiệp - Xây dựng: 57,6 %; thương mại - dịch vụ: 21,7 %. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 33,5 triệu đồng.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Phân tích thực trạng phát triển Khu vực kinh tế Nông nghiệp

- *Kết quả chỉ đạo sản xuất, chăn nuôi:* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm thực hiện được 7.740,3ha, đạt 98,8%KH. Trong đó: Cây lúa cả năm thực hiện được 3.639ha đạt 100%KH, năng suất 36,9 tạ/ha, sản lượng 13.436,1tấn; Cây ngô 1.750,8ha, đạt 96,7%KH, năng suất 39,3tạ/ha, sản lượng 6.873,3 tấn; Cây sắn thực hiện trồng 1.483ha, đạt 100%KH; Sản xuất rau, hoa xứ lạnh trên diện tích 300 ha vùng quy hoạch rau hoa xứ lạnh, đạt 100%KH; Phát triển cây dược liệu diện tích cây dược liệu 151,5ha, đạt 100,9%KH; Các cây trồng hàng năm khác thực hiện 416ha, đạt 100%KH. Triển khai trồng mới diện tích cây lâu năm 201,9ha, đạt 149,5%KH, nâng tổng số diện tích cây lâu năm lên 2.016,7ha, đạt 110,5%KH. Cây lâm nghiệp thực hiện trồng mới 153ha, đạt 100%KH, nâng tổng số diện tích cây lâm nghiệp lên 4.222,9ha, đạt 100% KH. Tổng đàn gia súc hiện có 41.702 con, đạt 100%KH. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, tổ chức tuyên truyền công tác QLBR, PCCCR... được 353 buổi với 15.448 lượt người tham gia; tổ chức 506 cuộc tuần tra, truy quét với 3.137 lượt người tham gia phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm; duy trì

diện tích giao khoán cho cộng đồng, dân cư quản lý 62.043,31 ha. Tổng diện tích triển khai nuôi trồng thủy sản 46,8ha, đạt 100% kế hoạch.

- *Tiếp tục thực hiện các giải pháp triển khai Chỉ thị 20/CT-TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp công nghệ cao và các dự án khác:* Lập hồ sơ và đã được UBND tỉnh Kon Tum công nhận 01 Vùng nông nghiệp công nghệ cao Măng Đen; 01 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. Tổ chức sản xuất rau, hoa, củ, quả... với diện tích 3.271ha, với 24 cơ sở sản xuất. Triển khai cho 09 Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Trang trại đăng ký cấp giấy chứng nhận sản xuất An toàn thực phẩm, VietGAP, Hữu cơ; hỗ trợ 11 tổ chức, cá nhân làm 174.000 tem mã QR Code truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Được Cục sở hữu trí tuệ cấp Chứng nhận nhãn hiệu cho 22 sản phẩm trên địa bàn huyện, đang tiếp tục đề nghị chứng nhận cho 11 sản phẩm. Hình thành 02 cơ sở vườn ươm cây giống tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen, triển khai ươm dự liệu đầu dòng, nhân giống xạ đen, đương quy, lan kim tuyến, hoa anh đào và giống cây cà phê catimo. Được UBND tỉnh công nhận 03 sản phẩm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2020.

- *Chỉ đạo triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất:* Phân bổ kinh phí 11.762 triệu đồng thực hiện 63 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án chuỗi giá trị. Tập trung hỗ trợ phát triển cây dự liệu như sâm dây, đương quy, sả java, hỗ trợ tái đàn heo địa phương.

- *Chỉ đạo các ngành, địa phương làm tốt công tác phòng dịch cho cây trồng, vật nuôi:* Thường xuyên nắm bắt tình hình sâu bệnh hại và hướng dẫn nhân dân kiểm tra, chăm sóc các loại cây trồng, vật nuôi và phòng trừ dịch bệnh. Trong thời gian qua trên địa bàn huyện dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi, có phát sinh nhưng với mật độ thấp, rải rác đã kịp thời xử lý, chưa ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất của người dân. Thực hiện hỗ trợ nhân dân bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi, hướng dẫn nhân dân tái đàn khi hết dịch. Triển khai các phương án chống hạn, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, vận động nhân dân tu sửa, nạo vét kênh mương đảm bảo nước cho sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Phân tích thực trạng phát triển Khu vực kinh tế Công nghiệp-Xây dựng

- *Triển khai Chỉ thị 20/CT-TU của Tỉnh ủy:* Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng chặt chẽ, kiểm tra các vị trí xây dựng nhà ở, nhà biệt thự và các công trình trên địa bàn trung tâm huyện. Thực hiện cấp mới 29 giấy phép xây dựng cho hộ gia đình xây dựng nhà ở khu vực trung tâm huyện. Hoàn thiện Đề án đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Măng Đen và tiến hành cắm biển tên đường theo đúng quy định. Tổ chức Lễ phát động ra quân Chinh trang đô thị, các điểm dân cư nông thôn mới đầu năm 2020; phân bổ kinh phí sự nghiệp để chinh trang

đô thị kinh phí 6.400 triệu đồng, phân bổ vốn đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm huyện lỵ cho 14 công trình với tổng kinh phí 38.166 triệu đồng.

- Phối hợp các chủ đầu tư vận hành khai thác có hiệu quả các dự án thủy điện đã phát điện, thực hiện tích nước và dự kiến phát điện thủy điện Thượng Kon Tum vào cuối năm 2020. Thực hiện quản lý tốt các điểm mở khai thác cát, đá, sỏi trên địa bàn. Duy trì củng cố nhà máy nước đảm bảo nhu cầu sản xuất và tiêu dùng cho nhân dân trung tâm huyện.

- Hoàn thiện hồ sơ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện. Tiến hành kiểm tra, rà soát diện tích, ranh giới, vị trí đất khảo sát lập dự án đầu tư cho các nhà đầu tư đến đăng ký đầu tư vào địa bàn huyện. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các hồ sơ liên quan đến đất đai.

2.2.3. Phân tích thực trạng phát triển Khu vực kinh tế Dịch vụ

- Tình hình giá cả hàng hoá trên thị trường luôn được kiểm soát và theo dõi đảm bảo bình ổn, nhất là các mặt hàng thiết yếu, không để xảy ra tình trạng đột biến về giá, đặc biệt là trước và sau Tết Nguyên đán năm 2020. Phối hợp với Sở Công thương thực hiện chương trình bán hàng bình ổn giá phục vụ tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán.

- Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa được thực hiện thường xuyên; tổ chức 06 đợt chợ phiên tại cụm xã Pờ Ê, xã Đăk Nén, xã Măng Buk, xã Hiếu, xã Đăk Ring. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường, qua đó, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng, hành vi phạm về an toàn thực phẩm.

- Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh, thường xuyên cập nhật các thông tin, bài viết và hình ảnh về du lịch trên trang thông tin điện tử du lịch của huyện. Hoàn thiện hồ sơ được UBND tỉnh công nhận 06 điểm du lịch; cơ sở hạ tầng du lịch từng bước đầu tư nâng cấp, toàn huyện có 27 khách sạn, nhà nghỉ, homestay, với quy mô 269 phòng. Phối hợp các công ty du lịch tổ chức hướng dẫn các tour tham quan cho du khách; tổng lượng khách du lịch đến địa bàn là 191.050 lượt, doanh thu khoảng 40 tỷ đồng. Công suất sử dụng phòng tại các điểm kinh doanh dịch vụ lưu trú khoảng 40%.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm và xuất khẩu lao động, thường xuyên cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động tại các doanh nghiệp đến người lao động, đến nay lao động xuất khẩu làm việc tại nước ngoài trên địa bàn huyện ngày càng tăng. Xây dựng kế hoạch và

triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020. Đến nay đã tổ chức đào tạo được 20 lớp với 480 học viên đạt 96% so với kế hoạch.

- Thực hiện chi trả chế độ cho 257 đối tượng chính sách, kinh phí chi trả là 5.417,6 triệu đồng; phối hợp với Bưu điện huyện chi trả trợ cấp thường xuyên cho 727 đối tượng BTXH với tổng kinh phí chi trả là 2.925,7 triệu đồng. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sỹ nhân kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh liệt sỹ. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho 19 gia đình là nạn nhân bị ảnh hưởng của chất độc Diôxin, với tổng kinh phí: 9,7 triệu đồng. Phối hợp với Công ty TNHH MTV Du lịch đại ngàn Măng Đen vận động nhà tài trợ trao tặng 100 chiếc xe đạp cho 100 em học sinh con hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức Tết trung thu cho các cháu thiếu nhi trên địa bàn huyện với 10.873 suất quà, tổng kinh phí là 317,02 triệu đồng. Phối hợp với Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum hỗ trợ xe đạp và học bổng cho 20 cháu có hoàn cảnh khó khăn, nghèo, mồ côi, và khuyết tật có thành tích cao trong học tập với tổng kinh phí: 32,8 triệu đồng. Triển khai cấp thẻ BHYT cho 25.907/26.774 đối tượng đạt 96,8%, đảm bảo đúng đối tượng, không trùng lặp.

- Thực hiện thăm hỏi, tặng quà trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020: Các gia đình chính sách, người có công với 3.029 suất quà, tổng kinh phí 1.429,9 triệu đồng. Tổ chức chương trình “Ngày hội bánh chưng xanh vì người nghèo năm 2020” cho nhân dân, với kinh phí huy động 736,9 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Thực hiện chi trả các chính sách kịp thời, đúng đối tượng, với kinh phí 7.385,3 triệu đồng.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2020, huy động, lồng ghép các nguồn vốn tập trung hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế. Chỉ đạo các xã đánh giá công tác giảm nghèo, thực hiện đến cuối năm 2020 giảm 553 hộ nghèo, 98 hộ cận nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm còn lại 14,98%, tỷ lệ hộ cận nghèo 7,3%.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Phân tích thực trạng phát triển đô thị

Huyện có 1 thị trấn với tổng diện tích 14.806,64 ha, chiếm 10,8% tổng diện tích toàn huyện. Thị trấn Măng Đen là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở các cơ quan của huyện. Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng, các khu chức năng đô thị đã dần hoàn thiện. Bộ mặt đô thị có bước chuyển biến rõ rệt. Khối lượng xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng... cũng tăng lên khá nhanh. Ở khu vực này, dịch vụ thương mại phát triển mạnh đã góp phần quan trọng trong việc tăng giá trị sản xuất của huyện.

Trong giai đoạn tới, để hoàn chỉnh hệ thống đô thị của huyện, xứng đáng với vai trò là trung tâm, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình phúc lợi công cộng.

2.4.2. Phân tích thực trạng phát triển nông thôn

Dân số nông thôn của Kon Plông cư trú ở 8 xã. Dân cư nông thôn có xu hướng tập trung ở trung tâm xã hoặc nơi có cơ sở hạ tầng thuận lợi. Ở một số khu vực, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường nên đã hình thành các tụ điểm có ưu thế hơn về phát triển kinh tế (đặc biệt là thương mại, dịch vụ). Vì vậy, nhu cầu mở rộng quy mô các điểm dân cư tập trung như trên cũng cần được tính đến trong tương lai.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng của hầu hết địa bàn dân cư nông thôn đều ở mức chưa hoàn chỉnh. Hệ thống giao thông, thủy lợi và các công trình công cộng như trường học, y tế, chợ, sân thể thao... còn thiếu. Vì vậy, trong giai đoạn tới, cần bố trí quỹ đất hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất và sinh hoạt.

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.5.1. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng giao thông

- Đường quốc lộ và tỉnh lộ chính trên địa bàn huyện:

+ Quốc lộ 24: Là tuyến giao thông đường bộ quốc gia nối Bắc Tây Nguyên với Biển Đông. Dài 170 km bắt đầu từ đoạn giao với Quốc lộ 1A tại ngã tư Thạch Trụ, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, chạy qua phía Bắc thị xã Đức Phổ, qua huyện Ba Tơ và thị trấn Ba Tơ, qua huyện Kon Plông và thị trấn Măng Đen, qua huyện Kon Rẫy và thị trấn Đăk Rve, đến thành phố Kon Tum và kết thúc tại phường Thắng Lợi của thành phố này.

+ Tỉnh lộ 676: Đoạn qua đô thị Kon Plông có mặt cắt ngang rộng 8.0m, mặt đường trải nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

+ Tuyến đường Đông Trường Sơn nối từ đường Hồ Chí Minh đi Đà Lạt có 50 km chạy qua huyện Kon Plông.

Nhìn chung do yếu tố địa hình phức tạp đồi núi nhiều, bị chia cắt, độ dốc dọc lớn nên mạng lưới đường giao thông của đô thị Kon Plông còn yếu kém chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân. Vào mùa mưa bão các tuyến đường thường bị sạt lở, lún, kết cấu mặt đường dễ bị phá hoại.

Tuy nhiên với lợi thế có tuyến QL24 và TL 676 chạy qua do vậy tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới giao thông sau này của đô thị Kon Plông. Đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa đón du khách lên khu du lịch sinh thái Măng Đen.

2.5.2. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng thủy lợi

Hệ thống sông suối, kênh trục dẫn nước tưới gồm có: nhánh sông ĐăkPne, sông Đăk Nghé, sông Đăk Lò, sông Đăk Ring, suối ToMeo, sông Nam

Voo, suối Đắk Đring, suối Đắk Lô, suối Đắk Xờ Rạch, suối Đắk Re

Trạm bơm 1: Trạm bơm bơm nước từ nhánh suối Đắk Ke với công suất 2000 m³/ngđ.

Đường ống dẫn nước thô từ trạm bơm cấp 1 về trạm xử lý đường kính D200 dài 1,4 km.

Đường ống phân phối bao phủ toàn bộ khu vực của thị trấn tổng chiều dài 15836m đường kính từ D80 – D150.

2.5.3. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng cấp điện

Nhìn chung, hệ thống cung cấp điện của Kon Plông đã được cải thiện đáng kể. Để đáp ứng tốt hơn nữa nguồn điện năng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại nền kinh tế huyện, cần tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống đường dây chuyển tải, các trạm biến áp..., tổ chức và quản lý vận hành lưới điện có hiệu quả hơn.

2.5.4. Phân tích thực trạng phát triển Giáo dục

- Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, quy mô trường lớp được đầu tư, nâng cấp mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Tổ chức tổng sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2019-2020; kết quả huy động trẻ ra lớp: Nhà trẻ ra lớp tỷ lệ 13% (tăng 4,1%); mẫu giáo tỷ lệ 98,8% (tăng 0,5%), riêng trẻ 5 tuổi: 572/572, tỷ lệ 100% (tăng 0,7%); tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS đạt 100%; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT và các trường đào tạo nghề đạt 80,5%; duy trì bền vững ở 9/9 xã, thị trấn đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. 100% số xã, thị trấn đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Triển khai Kế hoạch năm học 2020-2021, trên địa bàn huyện có 32 đơn vị trường, trong đó 30 đơn vị trường thuộc sự quản lý, 02 đơn vị trường Sở GD-ĐT tỉnh quản lý; có 6.944 học sinh, tăng 120 em so năm học 2019-2020. Đã huy động nguồn xã hội hóa từ các cá nhân, tổ chức hỗ trợ 21.025 cuốn vở, 3.868 bộ sách giáo khoa, đáp ứng được nhu cầu học tập cho các em học sinh trong năm học 2020-2021.

- Xây dựng lộ trình sáp nhập các đơn vị trường. Phối hợp với Sở GD&ĐT kiểm tra và đánh giá lại các đơn vị trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016-2020 và xây dựng lộ trình đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2.5.5. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng Y tế

Trong những năm qua, cơ sở vật chất của trạm y tế tại các xã được đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ y tế. Hệ thống trạm y tế xã và thị trấn có bác sỹ công tác thường xuyên; trạm y tế các xã, thị trấn duy trì chế độ trực ban, đảm bảo đủ cơ sở thuốc thiết yếu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện; chủ động triển khai các biện pháp y tế dự phòng, không để dịch bệnh nguy hiểm

xảy ra. Hoạt động khám, chữa bệnh cho nhân dân ở hai tuyến huyện, xã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng. Duy trì các kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về y tế, nâng cao tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng .

2.5.6. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng Văn hóa, thể dục thể thao

Các hoạt động văn hóa ngày càng phong phú, nhận thức của các cấp ủy Đảng và nhân dân về vai trò văn hóa thông tin đối với đời sống xã hội được nâng lên, việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa thông tin được đông đảo cán bộ, nhân dân trong huyện hưởng ứng tham gia. Các lĩnh vực hoạt động quần chúng, thông tin cổ động, biểu diễn, văn nghệ quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển. Công tác thông tin tuyên truyền hoạt động tốt, phục vụ các chương trình, mục tiêu, các ngày lễ, kỷ niệm bằng nhiều hình thức phong phú.

Hàng năm, các hoạt động lễ hội trên địa bàn huyện được tổ chức trang trọng, có ý nghĩa giáo dục truyền thống văn hóa tốt đẹp, tạo sự gắn bó, đoàn kết cộng đồng.

Phong trào thể dục thể thao phát triển ngày càng sâu rộng đến các địa bàn dân cư, công tác xã hội hóa thể dục thể thao ngày càng được mở rộng và nâng cao chất lượng, thu hút đông đảo các đối tượng. Tuy nhiên, hiện nay, một số nhà văn hóa và sân thể thao ở các thôn cần mở rộng hoặc quy hoạch mới để đáp ứng nhu cầu của nhân dân ở một số xã như Ngọc Tem, Đăk Nên, Đăk Tăng...

2.5.7. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông

Mạng lưới bưu chính, viễn thông của huyện những năm qua luôn được nâng cấp, đáp ứng công tác thông tin liên lạc và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, 9/9 xã, thị trấn của huyện có đường dây điện thoại, tỷ lệ hộ sử dụng điện thoại đạt 100%. Huyện có Bưu điện trung tâm và 1 Đài viễn thông đáp ứng công tác thông tin liên lạc và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Mạng lưới phát hành báo chí được thực hiện từ huyện đến xã, thôn.

Công tác thông tin tuyên truyền phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện có một đài phát thanh phủ sóng toàn huyện, cơ sở vật chất kỹ thuật của Đài huyện khang trang, hiện đại, 9 Đài truyền thanh xã, thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

2.5.8. Phân tích thực trạng phát triển hạ tầng Quốc phòng, an ninh

Công tác quân sự địa phương đã có nhiều tiến bộ. Các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở và lực lượng dự bị động viên được quan tâm hàng năm. Lực lượng quân sự huyện luôn thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện.

Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm chú trọng. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh

Tổ Quốc tiếp tục được phát triển về mọi mặt; ý thức trách nhiệm của nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh trật tự từng bước được nâng lên. Lực lượng công an xã, thị trấn thường xuyên được chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Hoạt động kiểm sát có nhiều cố gắng, nhất là trong lĩnh vực kiểm tra tư pháp. Hoạt động tuyên truyền, giải thích pháp luật, tư vấn pháp luật đã tăng cường. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được thực hiện tích cực.

Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tổ chức có hiệu quả công tác huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, các đợt diễn tập, bảo quản tốt vũ khí trang bị kỹ thuật.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Thuận lợi

+ Nằm trên trục quốc lộ 24 nối vùng duyên hải nam trung bộ với Tây Nguyên tạo cơ hội giao lưu phát triển kinh tế xã hội với các vùng miền trong cả nước.

+ Huyện Kon Plông nằm phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, nằm trong vùng Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, có nhiều cơ hội mở rộng hợp tác và hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, quốc tế

+ Nền kinh tế đang có bước tăng trưởng nhanh ổn định, có tiềm năng phát triển du lịch và dịch vụ: phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đây là điều kiện thuận lợi để tạo đà phát triển kinh tế - xã hội của huyện; thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh doanh, mở rộng thị trường, tạo cơ hội việc làm và tăng thu nhập đặc biệt là khu vực nông thôn; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho sản xuất. Phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp tiêu dùng, chế biến nông sản với lợi thế giao thông cũng như tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn lao động sẵn có của huyện.

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, đặc biệt là hệ thống giao thông phân bố rộng khắp và khá hợp lý nên tạo thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa, tạo điều kiện tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nền kinh tế đa dạng.

2.6.2. Hạn chế

+ Nhằm đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới thì việc bố trí đất cho các khu, cụm công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh, việc đầu tư, cải tạo phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp thoát nước, trường học, y tế...) sẽ đòi hỏi một quỹ đất tương đối lớn, không chỉ gây sức ép về quy mô diện tích mà còn tạo áp lực trong việc xác định vị trí xây dựng, bố trí công trình.

+ Cùng với đẩy nhanh phát triển công nghiệp - xây dựng, dịch vụ du lịch, tốc độ đô thị hóa sẽ diễn ra nhanh trong những năm tới. Nhu cầu đất cho quy hoạch mở rộng đô thị là khá lớn gây áp lực không nhỏ đến sử dụng đất đặc biệt là các khu vực có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển.

+ Việc phát triển một số ngành kinh tế đã và đang ảnh hưởng xấu đến môi trường như ô nhiễm về bụi, không khí do xây dựng; ô nhiễm từ nước thải và chất thải ở các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ô nhiễm trong sản xuất nông nghiệp và các làng nghề do việc sử dụng hoá chất không phù hợp, đòi hỏi phải đầu tư và quan tâm đặc biệt đến vấn đề môi trường sinh thái.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Huyện Kon Plông, là một huyện miền núi không có khu vực nào tiếp giáp với biển. Vậy nên trên địa bàn huyện không có sự xâm nhập mặn và nước biển dâng.

3.2. Phân tích, đánh giá về hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Hàng năm do chịu ảnh hưởng mưa bão, thời lượng mưa kéo dài và tình trạng phá rừng trong quá khứ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sạt lở đất nghiêm trọng trên địa bàn huyện.

Tình trạng mưa kéo dài dẫn đến một số điểm sạt lở nghiêm trọng cụ thể như: Tại Km193 đường Trường Sơn Đông, đoạn qua địa bàn xã Ngọc Tem xảy ra một vụ sạt lở đất, đá lớn khiến giao thông từ trung tâm huyện vào xã bị tê liệt và rên tuyến Trường Sơn Đông có hàng chục khối đá khổng lồ rơi từ trên núi xuống, chắn ngang đường rất khó khăn để di chuyển, thông đường. (Ảnh hưởng của cơn bão số 12 trong hai ngày 11, 12 tháng 11 năm 2020).

3.3 Phân tích, đánh giá các yếu tố khác

Biến đổi khí hậu cùng với sự gia tăng của nhiệt độ toàn cầu là những biến động mạnh mẽ của lượng mưa và sự gia tăng của hiện tượng khí hậu, thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, nắng nóng trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với sản xuất và đời sống. Mối đe dọa này ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn khi dân số ngày càng tăng, các hoạt động kinh tế ngày càng phát triển.

- Tác động của BĐKH đối với thiên tai, con người, cây trồng và vật nuôi, như làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, tố, lốc... các thiên tai liên quan đến nhiệt độ và mưa như thời tiết khô nóng, ngập lụt, ngập úng hay hạn hán, các dịch bệnh trên người, trên gia súc, gia cầm và trên cây trồng.

- Tác động của BĐKH đối với tài nguyên nước như chế độ mưa thay đổi có thể gây sạt lở ngập lụt nghiêm trọng vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô, gây khó khăn cho việc cấp nước và tăng mâu thuẫn trong sử dụng nước.

- Tác động của BĐKH đối với nông nghiệp và an ninh lương thực, như

tác động đến sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh hại cây trồng, ảnh hưởng đến sinh sản, sinh trưởng của gia súc, gia cầm, làm tăng khả năng sinh bệnh, truyền dịch của gia súc, gia cầm, gây nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.

Trong giai đoạn vừa qua, biến đổi khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp phát triển sản xuất nông nghiệp huyện do các hiện tượng mưa, bão gây úng ngập, nắng nóng kéo dài làm hạn hán, mùa đông mưa ít lưu lượng nước các sông giảm xuống gây tác động môi trường sinh thái, làm suy giảm đáng kể năng suất cây trồng, vật nuôi trong sản xuất. Do đó cần phải bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, cần quan tâm trồng cây xanh, giảm tỷ lệ bê tông hóa ở khu vực nông thôn, xây dựng các vành đai xanh từ thành thị đến nông thôn, sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường...sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả nhằm ứng phó với các kịch bản biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

PHẦN II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.1.1. Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất

Trong những năm qua, cùng với việc triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, HĐND và UBND huyện, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, UBND các xã, thị trấn nên công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện Kon Plông đã có nhiều chuyển biến tích cực, tiềm năng đất đai được khai thác và phát huy có hiệu quả, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trên cơ sở quy định của Trung ương, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Đất đai, các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nội dung các văn bản đã tập trung vào các vấn đề bức xúc của huyện như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy định giá đất; về giao đất và thu tiền sử dụng đất; về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất... Các văn bản đã ban hành từng bước cụ thể hóa Luật Đất đai, tạo hành lang pháp lý để huyện thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, góp phần đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương từng bước đi vào nề nếp, đúng pháp luật.

Quá trình triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, UBND huyện đã có nhiều văn bản đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hướng dẫn giải quyết đối với các vướng mắc; chỉ đạo các phòng, ban đơn vị và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện để xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh ở địa phương. Nhìn chung, công tác ban hành văn bản của UBND huyện chủ yếu để giải quyết các vướng mắc từ thực tế của địa phương, không trái với các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trong thời kỳ 2011-2020 một số văn bản đã ban hành giúp triển khai thực hiện tốt hơn và giải quyết vướng mắc trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện như:

Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 6/5/2016 của HĐND tỉnh về danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2016 và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ- UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 sửa đổi bổ sung điều 9 của Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nhìn chung, huyện Kon Plông đã tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất khá tốt. Do vậy, công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện tiếp tục được củng cố, cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

1.1.2. Công tác xác lập, quản lý địa giới hành chính

Thực hiện quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 2 tháng 5 năm 2012 của thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”

UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp với các ngành có liên quan tiến hành xác định ranh giới, mốc giới cụ thể cho cấp xã. Đến nay, 9 đơn vị hành chính xã, thị trấn trong huyện đều đã có mốc giới được xác định rõ ràng.

1.1.3. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất

Đến nay trên địa bàn huyện tất cả các xã đã có bản đồ địa giới hành chính theo quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 2 tháng 5 năm 2012 của thủ tướng Chính Phủ, được lập theo hệ tọa độ chính quy VN2000 và được lưu giữ cả dạng số và dạng giấy đã góp phần làm cơ sở để thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất (đăng ký đất đai), giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng; cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập quy hoạch xây dựng khu dân cư; thanh tra tình hình sử dụng đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai; cơ sở thống kê, kiểm kê đất đai.

Năm 2019, Kon Plông đã hoàn thành công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2019 cấp xã, huyện theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống

kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Bản đồ đều được lập bằng phương pháp số (file chuẩn.DGN), nằm trong hệ tọa độ chuẩn quốc gia (VN-2000). Đây là tài liệu quan trọng phục vụ cho công tác quản lý đất đai và hoạch định phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.4. Công tác quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất

Xác định công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... Trong những năm qua, UBND huyện Kon Plông đã tích cực chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung các nguồn lực đẩy mạnh công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện làm cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch.

Trong giai đoạn 2016-2020 UBND tỉnh đã ban hành các văn bản phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất hàng năm của huyện làm cơ sở để xây dựng phương án sử dụng đất hàng năm:

- Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum “V/v Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu điều chỉnh quy hoạch huyện Kon Plông”.

- Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh Kon Tum V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của các huyện, thành phố để thực hiện một số công trình, dự án trên địa bàn.

- Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Kon Tum V/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Kon Plông.

- Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Kon Tum V/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Kon Plông.

- Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Kon Plông.

- Văn bản số 3460/UBND-NNTN ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai trên cổng thông tin điện tử của huyện và niêm yết tại trụ sở UBND huyện, trụ sở UBND các xã, thị trấn; phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai. Chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Triển khai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế

hoạch sử dụng đất được duyệt. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án giao đất, thuê đất trên địa bàn huyện để yêu cầu người được thuê đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư dự án.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt đã tạo tiền đề cho huyện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái. Tạo sự đồng bộ, hạn chế sự chồng chéo trong sử dụng đất giữa các ngành, tạo cơ sở phân bổ nguồn vốn hợp lý, kịp thời để thực hiện một số công trình dự án đã được phê duyệt. Khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu của các hoạt động kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo hài hoà giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, giúp cho các ngành, các cấp sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí đất đai. Cung cấp những thông tin về hiện trạng, tiềm năng và định hướng sử dụng đất cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư được thuận lợi hơn.

1.1.5. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn huyện đã thực hiện 78 dự án giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 1599,1 ha.

Đối với các dự án giao đất cho thuê đất cho các doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền phê duyệt đã ra quyết định thu hồi, giao đất, cho thuê đất đồng thời cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

1.1.6. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn huyện trong những năm qua đã không để xảy ra diễn biến phức tạp gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương.

Nhìn chung, các dự án đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục về bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư theo quy phạm pháp luật. Do có sự chỉ đạo, lãnh đạo chặt chẽ nên việc áp dụng trình tự, thủ tục thu hồi đất, triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án tương đối nhanh chóng, thuận lợi; hạn chế tối đa tình trạng thắc mắc, khiếu kiện của người có đất Nhà nước thu hồi đất.

1.1.7. Công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thực hiện Điều 95 của Luật Đất đai UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân thực hiện đăng ký đất đai đối với các thửa đất chưa đăng ký.

Tình hình quản lý hồ sơ địa chính: Công tác lập, quản lý hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum thực hiện. Hồ sơ được lưu trữ theo từng địa bàn xã, thị trấn, từng loại hồ sơ, đánh số hiệu để quản lý, dữ liệu được đưa vào lưu trữ trên máy tính giúp việc tra cứu và tìm kiếm hồ sơ lưu trữ được dễ dàng. Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thường xuyên và theo đúng quy định.

Từ năm 2016 đến ngày 31/12/2020 huyện đã cấp lần đầu 7.286 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 2.820,68 ha.

(Nguồn: Báo cáo về việc tổng hợp tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đất đai của công dân trên địa bàn huyện Kon Plông từ năm 2016-2020).

1.1.8. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai

Huyện đã thực hiện tốt công tác kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm theo chỉ thị 15/CT-TTg ngày 17/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Quyết định số 1672/KH-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 06 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Nhìn chung, hoạt động công tác kiểm kê, thống kê về đất đai đã được nâng cao dần, chất lượng bản đồ và số liệu thống kê, kiểm kê về đất đai đã sát với hiện trạng.

1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Công tác xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý đất đai chưa được thực hiện trên địa bàn huyện Kon Plông. Hiện nay, nhiều địa phương trên cả nước đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và thu được nhiều kết quả khả quan. Công tác này đang góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đất đai trong giai đoạn hiện nay. Thực tế, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm xây dựng được một hệ thống thống nhất trên phạm vi cấp tỉnh và cập nhật thông tin; ở địa phương giúp các Sở TN&MT theo dõi, giám sát về tình hình sử dụng đất, thực hiện quy hoạch; ở cấp Bộ trực tiếp là Tổng cục Quản lý đất đai nắm được tình hình sử dụng đất...

Đồng thời, thông qua hệ thống, việc tra cứu truy cập thông tin đất đai của

các cấp được dễ dàng, nhanh chóng, thuận lợi; cán bộ Văn phòng Đăng ký cấp tỉnh, huyện có thể cập nhật, đồng thời, cùng một lúc tất cả những kết quả đăng ký lần đầu cũng như những biến động đất đai, nhà ở, tài sản phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương như chia tách thửa, thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng, thế chấp, bổ sung tài sản... Nhờ vậy, giảm được rất nhiều thời gian, nhân lực cho việc chỉnh lý bản đồ, hồ sơ, sổ bộ địa chính ở các cấp, cơ sở dữ liệu địa chính sau khi hình thành luôn được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và tại mọi thời điểm luôn phản ánh thông tin mới nhất của các thửa đất. Vì vậy, trong thời gian tới huyện Kon Plông cần được xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

1.1.10. Công tác quản lý tài chính về đất đai

Nhìn chung, công tác quản lý tài chính về đất đai của huyện được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Để thực hiện việc thu, chi liên quan đến đất đai, UBND huyện đã tổ chức việc thu các loại thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên cơ sở hệ thống các văn bản đã ban hành, ngoài ra còn có các nguồn kinh phí do Nhà nước cung cấp.

1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đã được UBND huyện quan tâm thông qua việc quản lý, giám sát các hoạt động chuyển nhượng, cho thuê đất, thu thuế, thu tiền sử dụng đất... góp phần đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất và nguồn thu ngân sách. Tuy nhiên, do còn những hạn chế nhất định trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần nào đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác này.

1.1.12. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn huyện được quan tâm và thực hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức như thanh tra, kiểm tra... đã ngăn chặn và xử lý các hành vi sử dụng đất không đúng mục đích. Điều này đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai cho người sử dụng đất, đưa đất đai vào sử dụng đúng mục đích, bền vững, có hiệu quả.

1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Huyện đã tổ chức tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân về nội dung cơ bản của Luật Đất đai 2013. Qua đó đã tư vấn, giải đáp nhiều câu hỏi, vướng mắc liên quan đến sản xuất, phát triển kinh tế, chính sách thuế nông nghiệp, hỗ trợ vốn, pháp

luật đất đai...

Nhìn chung, công tác tuyên truyền pháp luật đất đai đã được triển khai rộng rãi đến mọi đối tượng với những nội dung thiết thực và hình thức phù hợp được các Ban, ngành, các địa phương và được dư luận nhân dân đánh giá cao. Qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất.

1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Hàng năm trên địa bàn huyện vẫn xảy ra một số vụ tranh chấp đất đai giữa các hộ sử dụng đất liền kề và trong dòng tộc về ranh giới sử dụng đất, quyền thừa kế... nhưng đã được huyện và các cấp có thẩm quyền giải quyết.

1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Thực hiện Luật đất đai 2013, UBND tỉnh đã chỉ đạo thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ở tỉnh và các huyện, thành phố, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về nhà đất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.

1.2.1. Những kết quả đạt được

Nhìn chung, từ khi triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 đến nay công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Kon Plông đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, làm cho hoạt động quản lý, sử dụng đất ngày càng đi vào kỷ cương và đúng pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất từng bước đi vào ổn định, phân định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Cùng với các chính sách về đất đai. Nhà nước ngày càng hoàn thiện, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đã tạo ra một hệ thống pháp lý tương đối đầy đủ, giải quyết khá tốt các quan hệ liên quan đến đất đai, bước đầu đã điều chỉnh được quan hệ đất đai mới hình thành trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá.

Thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần sắp xếp, bố trí quỹ đất hợp lý đối với từng loại đất, mục đích sử dụng, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh.

Thực hiện việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải

quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trong đó thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai có 32 thủ tục.

Trên cơ sở bộ thủ tục hành chính do UBND tỉnh ban hành. UBND huyện đã rà soát, đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, đồng thời huyện cũng phân đầu cắt giảm ít nhất 30% tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện ít nhất 50% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị hoặc do cơ quan, đơn vị tham mưu UBND huyện thực hiện toàn bộ quy trình tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện. Tính đến tháng 7/2019, trang thông tin điện tử của huyện sau khi được UBND tỉnh công bố thực hiện có hiệu quả, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện và UBND xã được thực hiện theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông. Việc công bố và công khai các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến đất đai. Bên cạnh đó huyện cũng quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm việc tại bộ phận “một cửa”.

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người có đất bị thu hồi. Chính sách tài chính về đất đai, giá đất được hoàn thiện, các khoản thu từ đất được quy định cụ thể đã tạo được nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai được UBND huyện quan tâm giải quyết và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định. Do vậy, các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai kéo dài, phức tạp, đông người phát sinh do công tác quản lý nhà nước về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít xảy ra.

1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục

Do đất đai là vấn đề nhạy cảm, việc sử dụng đất mang nặng tính lịch sử, trong tư duy của một bộ phận nhân dân chưa phù hợp với quy định của pháp luật, một số nội dung quản lý đất đai trước đây thiếu chặt chẽ, tạo kẽ hở pháp luật nên dẫn đến một số tồn tại cần được khắc phục, đó là:

- Quan niệm và nhận thức về sở hữu đất đai, pháp luật đất đai của người dân còn hạn chế, gây khó khăn trong việc thu hồi đất, quản lý mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai;

- Tình trạng vi phạm pháp luật đất đai vẫn xảy ra như lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch...

1.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại

** Chủ quan:*

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai chưa sâu rộng thường xuyên, chưa tạo được sự chuyển biến căn bản trong nhận thức về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người sử dụng đất.

** Khách quan:*

- Chính sách đất đai nhiều thay đổi, Luật đất đai 2013 sau khi có hiệu lực thi hành nhưng nhiều nội dung chưa được tinh cụ thể hóa nên gặp khó khăn lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Đất đai biến động thường xuyên xong việc chỉnh lý hồ sơ địa chính tại các xã, thị trấn không kịp thời dẫn đến số liệu không chính xác.

- Những đơn thư liên quan đến đất đai trong những năm qua đều là những việc phức tạp, vướng mắc từ lâu, quản lý còn buông lỏng, giấy tờ tài liệu liên quan không có hoặc không còn lưu giữ vì vậy rất khó khăn trong quá trình xác minh giải quyết.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

Qua thực tiễn những ưu, khuyết điểm, những hạn chế và những bất cập của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Kon Plông trong thời gian qua, cho ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để đưa công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai đạt được kết quả tốt như sau:

- Phải tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, chính quyền và sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân tất cả vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chủ động, sáng tạo, tích cực triển khai thực hiện các chủ trương của cấp uỷ và Nghị quyết của HĐND trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền địa phương phải kiên quyết, cụ thể, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh.

- Tất cả các cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý đất đai cần nắm vững Luật Đất đai, các Nghị định, Thông tư, các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành pháp luật đất đai, vì phần lớn năng lực cán bộ địa chính cấp xã, thị trấn còn hạn chế. Nếu nắm vững được Luật, các văn bản dưới Luật, chắc chắn sẽ giảm bớt những vấn đề làm sai Luật như đang diễn ra ở các góc độ và mức độ khác nhau như hiện nay.

- Cần thực hiện tốt kế hoạch hoá sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm minh tình trạng cấp đất, giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, thu tiền sử dụng đất sai quy định, tình trạng sử dụng đất, lãng phí, sai mục đích, lấn chiếm đất công.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể cần đấu tranh kiên quyết đối với việc lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt đất công; đất do nhà nước quản lý;

chuyển nhượng và xây cất nhà trái phép. Các cấp ủy Đảng, chính quyền kịp thời ngăn ngừa và kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, công chức có biểu hiện sa sút về đạo đức, phẩm chất, lối sống, có hành vi vi phạm pháp luật đất đai. Cần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng các loại đất năm 2020

Theo số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2020 hiện trạng sử dụng đất huyện Kon Plông cụ thể như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện 137.124,57 ha. Trong đó:

Đất nông nghiệp 131.787,29 ha, chiếm 96,11% tổng diện tích tự nhiên;

Đất phi nông nghiệp là 4.529,21 ha, chiếm 3,3% tổng diện tích tự nhiên;

Đất chưa sử dụng là 808,07 ha, chiếm 0,59% tổng diện tích tự nhiên;

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		137.124,57	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	131.787,29	96,11
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.011,09	2,93
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.007,06	1,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.657,22	8,50
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.522,85	3,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	39.374,00	28,71
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	71.995,61	52,50
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	29,63	0,02
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	196,87	0,14
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.529,21	3,30
2.1	Đất quốc phòng	CQP	13,62	0,01
2.2	Đất an ninh	CAN	2,03	0,001
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	9,47	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	425,37	0,31
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,60	0,0004
2.8	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	13,47	0,01
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.471,04	1,80

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất giao thông	DGT	515,83	0,38
	Đất thủy lợi	DTL	33,49	0,02
	Đất cơ sở văn hoá	DVH	4,51	0,00
	Đất cơ sở y tế	DYT	2,94	0,00
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	49,80	0,04
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	5,58	0,00
	Đất công trình năng lượng	DNL	1.795,91	1,31
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,20	0,002
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,67	0,003
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,04	0,001
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,81	0,005
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	47,77	0,03
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
	Đất chợ	DCH	0,49	0,0004
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,59	0,003
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,05	0,01
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	515,88	0,38
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	194,21	0,14
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,50	0,02
2.15	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,88	0,004
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	735,47	0,54
2.18	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC	12,08	0,01
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,98	0,001
3	Đất chưa sử dụng	CSD	808,07	0,59

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Kon Plông)

2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 là 131.787,29 ha. Trong đó: diện tích đất trồng lúa là 4.011,09 ha, chiếm 2,93% tổng diện tích đất tự nhiên; diện tích đất trồng cây hàng năm khác 11.657,22 ha, chiếm 8,5% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất trồng cây lâu năm 4.522,85 ha, chiếm 3,3% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất rừng phòng hộ 39.374 ha, chiếm 28,71% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất rừng sản xuất 71.995,61 ha, chiếm 52,5% tổng diện tích tự nhiên; diện tích đất

nuôi trồng thủy sản 29,63 ha chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên; diện tích đất nông nghiệp khác 196,87 ha chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất nông nghiệp	NNP	131.787,29	96,11
1	Đất trồng lúa	LUA	4.011,09	2,93
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.007,06	1,46
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.657,22	8,50
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.522,85	3,30
4	Đất rừng phòng hộ	RPH	39.374,00	28,71
5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
6	Đất rừng sản xuất	RSX	71.995,61	52,50
7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	29,63	0,02
8	Đất nông nghiệp khác	NKH	196,87	0,14

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Kon Plông)

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp có diện tích 4.529,21 ha, chiếm 3,3% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất quốc phòng có diện tích 16,32 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên, tập trung trên địa bàn thị trấn Măng Đen.

- Đất an ninh có diện tích 2,03 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên, tập trung tại thị trấn Măng Đen.

- Đất thương mại, dịch vụ có diện tích 9,47 ha chiếm 0,01% diện tích tự nhiên tập trung tại thị trấn Măng Đen.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 425,37 ha, chiếm 0,31% diện tích đất tự nhiên. Tập trung chủ yếu tại thị trấn Măng Đen, xã Măng Cành.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có diện tích 0,6 ha, chiếm 0,0004% diện tích đất tự nhiên.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 13,47 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phát triển hạ tầng có diện tích 2471,04 ha, chiếm 1,8% diện tích đất tự nhiên. Trong đó bao gồm:

- + Đất giao thông có diện tích là 515,83 ha, chiếm 0,38 % diện tích đất tự nhiên. Trên địa bàn huyện có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua như tuyến QL 24, đường tỉnh 676, tuyến Trường Sơn Đông đi tỉnh Quảng Ngãi...

- + Đất thủy lợi có diện tích 33,49 ha, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên. Đất thủy lợi trên địa bàn huyện gồm các hệ thống kênh tưới, hệ thống cống, đập, trạm bơm...

+ Đất công trình năng lượng có diện tích 1795,91 ha, chiếm 1,31% diện tích đất tự nhiên. Đất này chủ yếu là để xây dựng các nhà máy thủy điện.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông có diện tích 2,2 ha, chiếm 0,002% diện tích đất tự nhiên. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất cơ sở văn hoá có diện tích 4,51 ha, chiếm 0,003% diện tích đất tự nhiên bao gồm diện tích xây dựng các nhà văn hóa xã, tượng đài...

+ Đất cơ sở y tế có diện tích 2,94 ha, chiếm 0,002% diện tích đất tự nhiên, bao gồm diện tích xây dựng các trạm y tế xã, bệnh viện, phòng khám.

+ Đất cơ sở giáo dục, đào tạo có diện tích 49,8 ha, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên, bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học...

+ Đất cơ sở thể dục, thể thao có diện tích 5,58 ha, chiếm 0,004% diện tích đất tự nhiên, bao gồm các sân vận động, sân thể dục thể thao của huyện, xã.

+ Đất chợ có diện tích 0,49 ha, chiếm 0,0004% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 1,04 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên. Diện tích này dùng để chứa và xử lý rác thải. Với yêu cầu phát triển của sản xuất, trong giai đoạn tới cần bổ sung diện tích loại đất này nhằm đảm bảo việc xử lý rác thải ở các xã...

+ Đất ở tại nông thôn có diện tích 194,21 ha, chiếm 0,38% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất ở tại đô thị có diện tích 194,21 ha, chiếm 0,14% diện tích đất tự nhiên, tập trung trên địa bàn thị trấn Măng Đen và đất ở thuộc các khu đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 23,5 ha, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên. Đây là diện tích các trụ sở huyện ủy, UBND huyện, xã, thị trấn.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 4,88 ha, chiếm 0,004% diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tôn giáo có diện tích 6,81 ha, chiếm 0,05% diện tích đất tự nhiên gồm diện tích chùa, nhà thờ... nằm rải rác trong khu dân cư.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có diện tích 47,77 ha, chiếm 0,003% diện tích đất tự nhiên. Hiện nay đất nghĩa trang nghĩa địa ở một số xã còn thiếu cần mở rộng.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 13,47 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 12,05 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất sông, ngòi, kênh có diện tích 735,47 ha, chiếm 0,54% diện tích đất tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích 12,08 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích 1,98 ha, chiếm 0,001% diện tích đất tự nhiên.

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.529,21	3,30
1	Đất quốc phòng	CQP	13,62	0,01
2	Đất an ninh	CAN	2,03	0,001
3	Đất khu công nghiệp	SKK		
4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	9,47	0,01
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	425,37	0,31
7	Đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản	SKS	0,60	0,0004
7	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	13,47	0,01
8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.471,04	1,80
	Đất giao thông	DGT	515,83	0,38
	Đất thủy lợi	DTL	33,49	0,02
	Đất cơ sở văn hoá	DVH	4,51	0,003
	Đất cơ sở y tế	DYT	2,94	0,002
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	49,80	0,04
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	5,58	0,004
	Đất công trình năng lượng	DNL	1.795,91	1,31
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,20	0,002
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,67	0,003
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,04	0,001
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,81	0,005
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	47,77	0,03
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
	Đất chợ	DCH	0,49	0,0004
	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,59	0,003
9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,05	0,01
10	Đất ở tại nông thôn	ONT	515,88	0,38
11	Đất ở tại đô thị	ODT	194,21	0,14
12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,50	0,02
13	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,88	0,004
14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	735,47	0,54
16	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC	12,08	0,01
17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,98	0,001

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất chưa sử dụng	CSD	808,07	0,59

(Nguồn: Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Kon Plông)

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước

* Theo số liệu năm 2010 tổng diện tích tự nhiên huyện Kon Plông là 138.115,92 ha. Và thống kê đến ngày 31/12/2020 tổng diện tích đất tự nhiên huyện Kon Plông là 137.124,57 ha, giảm 991,35 ha so với số liệu thống kê đất đai năm 2010; nguyên nhân giảm diện tích: công tác kiểm kê đất đai của các năm 2010 và năm 2014 khác nhau về phương pháp, cách tính và áp dụng công nghệ kỹ thuật, hệ tọa độ (nguồn theo Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum). Cụ thể chi tiết từng loại đất như sau.

- Đất nông nghiệp: Theo kết quả thống kê đất đai năm 2010 diện tích đất nông nghiệp là 126.994,38 ha, đến năm 2020 là 131.787,29 ha. Tăng 4792,91 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất trồng lúa năm 2010 là 2.974,9 ha, đến năm 2020 diện tích đất trồng lúa là 4.011,09 ha tăng 1.036,19 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm là 4.338,33 ha, đến năm 2020 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 11.657,22 ha tăng 7.318,88 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 2.297,78 ha, đến năm 2020 là 4.522,85 ha tăng 2.225,07 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất rừng phòng hộ là 43.511,1 ha, đến năm 2020 là 39.374 ha giảm 4.137,1 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 73.860,15 ha, đến năm 2020 là 71.995,61 ha giảm 1.864,54 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 12,12 ha, đến năm 2020 là 29,63 ha tăng 17,51 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất nông nghiệp khác là 0 ha, đến năm 2020 là 196,87 ha tăng 196,87 ha so với năm 2010.

Bảng 4. Biến động sử dụng đất nông nghiệp quy hoạch kỳ trước

TT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích hiện trạng sử dụng đất(ha)		So sánh
			Năm 2010	Năm 2020	Tăng(+) Giảm(-) (ha)
Tổng diện tích tự nhiên			138.115,92	137.124,57	-991,35
	Đất nông nghiệp	NNP	126.994,38	131.787,29	4.792,91
1	Đất trồng lúa	LUA	2.974,90	4.011,09	1.036,19

TT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích hiện trạng sử dụng đất(ha)		So sánh
			Năm 2010	Năm 2020	Tăng(+) Giảm(-) (ha)
Tổng diện tích tự nhiên			138.115,92	137.124,57	-991,35
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.338,33	11.657,22	7.318,89
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.297,78	4.522,85	2.225,07
4	Đất rừng phòng hộ	RPH	43.511,10	39.374,00	-4.137,10
5	Đất rừng sản xuất	RSX	73.860,15	71.995,61	-1.864,54
6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,12	29,63	17,51
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	196,87	196,87

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Kon Plông)

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện Kon Plông năm 2010 là 2.811,1 ha, đến năm 2020 là 4.529,21 ha tăng 1.718,11 ha so với năm 2010. Cụ thể chi tiết từng loại đất như sau:

+ Diện tích đất quốc phòng năm 2010 là 41,02 ha, đến năm 2020 là 13,62 ha giảm 27,4 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất an ninh năm 2010 là 1,17 ha, đến năm 2020 là 2,03 ha tăng 0,86 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2010 là 0 ha, đến năm 2020 là 9,47 ha tăng 9,47 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp năm 2010 là 24,5 ha đến năm 2020 là 425,37 ha tăng 400,87 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2010 là 0 ha, đến năm 2020 là 13,47 ha tăng 13,47 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2010 là 1.090,13 ha đến năm 2020 là 2.471,04 ha tăng 1.380,91 ha so với năm 2010.

Bảng 5. Tình hình biến động sử dụng đất phi nông nghiệp kỳ trước

STT	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Diện tích QH được phê duyệt (ha)	Kết quả đạt được đến 2020 (ha)	Tăng, giảm (ha)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.811,10	4.529,21	1.718,11
2.1	Đất quốc phòng	CQP	41,02	13,62	-27,40
2.2	Đất an ninh	CAN	1,17	2,03	0,86
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0	9,47	9,47
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	24,5	425,37	400,87

STT	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Diện tích QH được phê duyệt (ha)	Kết quả đạt được đến 2020 (ha)	Tăng, giảm (ha)
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0		0,00
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm	SKX	0	13,47	13,47
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1090,13	2.471,04	1.380,91
	Đất giao thông	DGT	0	515,83	515,83
	Đất thủy lợi	DTL	0	33,49	33,49
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,36	4,51	3,15
	Đất cơ sở y tế	DYT	2,94	2,94	0,00
	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	112,01	49,8	-62,21
	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	0	5,58	5,58
	Đất công trình năng lượng	DNL	0	1.795,91	1.795,91
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0	2,2	2,20
	Đất có di tích lịch sử-văn hóa	DDT	0	4,67	4,67
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0	1,04	1,04
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0	6,81	6,81
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	26,53	47,77	21,24
	Đất chợ	DCH		0,49	0,49
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0		0,00
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0	12,05	12,05
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	587,98	515,88	-72,10
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	0	194,21	194,21

STT	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Diện tích QH được phê duyệt (ha)	Kết quả đạt được đến 2020 (ha)	Tăng, giảm (ha)
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,79	23,5	8,71
2.13	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0	4,88	4,88
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	991,98	735,47	-256,51
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	12,08	12,08
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2	1,98	-0,02
3	Đất chưa sử dụng	DCS	8.342,68	808,07	-7.534,61

(Nguồn: Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Kon Plông)

+ Diện tích đất văn hóa năm 2010 là 1,36 ha, năm 2020 là 4,51 ha tăng 3,15 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2010 là 597,98 ha, đến năm 2020 là 515,88 ha giảm 72,1 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất ở tại đô thị năm 2010 là 0 ha, đến năm 2020 là 194,21 ha tăng 194,21 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2010 là 14,79 ha, đến năm 2020 là 23,5 ha tăng 8,71 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2010 là 0 ha, đến năm 2020 là 4,88 ha tăng 4,88 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất sông, suối, kênh rạch năm 2010 là 991,98 ha, đến năm 2020 là 735,47 ha giảm 256,51 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất mặt nước chuyên dùng năm 2010 là 0 ha, đến năm 2020 là 12,08 ha tăng 12,08 ha so với năm 2010.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2010 là 2 ha, đến năm 2020 là 1,98 ha giảm 0,02 ha so với năm 2010.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng năm 2010 là 8.342,68 ha, năm 2020 là 808,07 ha giảm 7.534,61 ha so với năm 2010.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất.

*** Hiệu quả kinh tế**

Cho đến nay, việc sử dụng đất đai của huyện tương đối ổn định và ngày càng cho hiệu quả kinh tế cao, năng suất cây trồng tăng mạnh, hiệu suất đồng vốn đầu tư của người dân ngày càng cao. Chính vì vậy tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện luôn luôn tăng. Hiệu quả kinh tế trên diện tích đất đai ngày càng cao. Tuy nhiên vẫn còn một số ít hộ gia đình chưa thực sự quan tâm đầu tư cho

sản xuất nông nghiệp. dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, chưa đổi mới theo cơ chế thị trường, giá nông sản vào chính vụ thu hoạch quá thấp, nhiều sản phẩm nông nghiệp làm ra không có chỗ tiêu thụ. Chưa có vùng sản xuất cây hàng hoá lớn để tạo hàng hóa tập trung phát triển công nghiệp chế biến tại chỗ, nâng giá thành sản phẩm. Trong vài năm gần đây thị trường bất động sản chưa phát triển mạnh dẫn đến việc phát triển quỹ đất tạo nguồn vốn cho phát triển càng gặp nhiều khó khăn.

** Hiệu quả xã hội*

Trình độ dân trí tăng, năm 2020 số học sinh trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ 100%, phổ cập tiểu học, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động, công tác an ninh trật tự xã hội được đảm bảo, tệ nạn xã hội giảm mạnh. Nhiều hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa, phong trào văn hóa thể thao phát triển, các tổ chức xã hội được giữ vững và ngày càng phát triển. Tỷ lệ phát triển dân số giảm đáng kể.

Việc sử dụng đất ngày càng ổn định, người dân ý thức hơn về vai trò trách nhiệm trong sử dụng đất.

** Hiệu quả môi trường*

Cảnh quan môi trường ở huyện đã được quan tâm, triển khai nhiều dự án về môi trường và xây dựng được phong trào xanh sạch đẹp môi trường đô thị và nông thôn.

Vấn đề tác động đến môi trường trong quá trình sử dụng đất những năm qua luôn được huyện quan tâm, từ đó đã đưa ra nhiều chương trình hành động, nhiều phương án quy hoạch nhằm bảo vệ môi trường cả ở vùng đô thị, vùng nông thôn. Tuy nhiên việc sử dụng đất những năm vừa qua cũng có những tác động sau:

- Môi trường không khí bị ô nhiễm nhất là những vùng dọc các tuyến đường. Nguyên nhân chính là do việc vận chuyển đất, cát trên xe tải không đảm bảo về môi trường và bụi do san lấp các khu đô thị, khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ...

- Nguồn nước cũng có nguy cơ bị ô nhiễm do những tác động sau:

- + Việc tập trung vào nâng cao năng suất cây trồng bằng cách sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu... dẫn đến nguy cơ nguồn nước bị ô nhiễm.

- + Nước thải sinh hoạt của khu vực dân cư chưa được xử lý làm ảnh hưởng lớn đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- + Hầu hết nước của các ao, hồ trong huyện cũng bắt đầu có biểu hiện bị ô nhiễm do nguồn nước không được lưu thông, cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi gia súc, gia cầm của các hộ dân và nước thải sản xuất kinh doanh nghề thủ công...

- Môi trường đất trong cũng đã bị tác động do nguồn nước bị ô nhiễm làm

cho đất cũng bị suy thoái theo.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a) Cơ cấu sử dụng đất.

Huyện Kon Plông có tổng diện tích tự nhiên là 137.124,57 ha, mật độ dân số bình quân 48 người/Km². Năm 2020, các nhóm đối tượng sử dụng đất chính là: Hộ gia đình và cá nhân, các tổ chức trong nước, UBND cấp xã, các tổ chức trong nước, cộng đồng dân cư. Đối tượng quản lý đất đai gồm UBND các xã, phường và cộng đồng dân cư. Theo số liệu thống kê đất đai của UBND huyện Kon Plông tính đến hết ngày 31/12/2020 cụ thể được phân bổ như sau:

*** Các đối tượng sử dụng đất đai:**

- Hộ gia đình và cá nhân: 25.158,45 ha, chiếm 18,35% tổng diện tích tự nhiên, trong đó đất nông nghiệp 24.363,36 ha, đất phi nông nghiệp 795,08 ha.

- Các tổ chức trong nước sử dụng 105.255,13 ha, chiếm 76,76% tổng diện tích tự nhiên, trong đó tổ chức kinh tế sử dụng 58.364,58 ha, cơ quan, đơn vị của Nhà nước sử dụng 171.23,96 ha, tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 29.767,17 ha.

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 6,81 ha, chiếm 0,005% tổng diện tích tự nhiên.

*** Các đối tượng quản lý đất đai:**

- UBND cấp xã quản lý 1.943,51 ha, chiếm tỷ lệ 1,42% tổng diện tích tự nhiên, trong đó đất phi nông nghiệp 1.138,55 ha.

- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý 4760,09 ha, chiếm 3,47% tổng diện tích tự nhiên, trong đó là toàn bộ đất phi nông nghiệp.

b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Quá trình phát triển nhanh mạnh nền kinh tế - xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm qua đã kéo theo việc thay đổi rất lớn trong việc bố trí sử dụng các loại đất. Diện tích đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa, rau, màu các loại,...) tuy phải chuyển một phần để xây dựng phát triển đô thị, các khu dân cư, các cụm công nghiệp tập trung và xây dựng kết cấu hạ tầng,... nhưng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác đều tăng. Các loại đất phi nông nghiệp tăng đáng kể đã góp phần làm cho diện mạo các khu trung tâm, xã, thị trấn ngày càng khang trang hơn, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng ngày càng được hoàn thiện hơn,... nhiều khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã và đang hình thành không những góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương mà còn thu hút một lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn. Đất đai trên địa bàn huyện ngày càng được quản lý, khai thác triệt để và có hiệu quả hơn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đời sống của nhân dân địa phương.

- Đến nay đã có trên 99,41% diện tích được khai thác và đưa vào sử dụng

cho các mục đích dân sinh kinh tế, quỹ đất chưa sử dụng còn 0,59% diện tích tự nhiên.

- Đất sản xuất nông nghiệp đã được giao ổn định đến người dân cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi, khôi phục và phát triển nhiều vườn cây ăn quả, phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Đất nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng nhanh do việc chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả ở những vùng trũng sang nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác.

- Quỹ đất dành cho chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư cả đô thị và nông thôn vẫn tiếp tục mở rộng. Việc bố trí đất ở trong các khu dân cư, trung tâm xã được gắn liền đồng bộ với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, các công trình dịch vụ và vui chơi giải trí,... đã làm cho diện mạo các khu dân cư ngày càng khang trang hiện đại hơn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân địa phương.

- Quỹ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng mạnh góp phần đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa ở địa phương.

- Quỹ đất dành cho phát triển giao thông, thủy lợi, cũng tăng đáng kể. Nhiều tuyến tỉnh lộ, huyện lộ,... được nâng cấp, mở rộng, phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển mạnh góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển giao lưu giữa các vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh, là yếu tố thúc đẩy các trục phát triển của địa phương.

- Quỹ đất dành cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục - thể thao và công trình phúc lợi khác cũng được đầu tư mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Trong sử dụng đất, hầu hết diện tích canh tác nông nghiệp của địa phương đã và đang được đầu tư ngày càng cao cho sản xuất, nâng cao được hiệu quả kinh tế cũng như giữ vững đồng thời cải thiện từng bước độ phì nhiêu của đất.

- Nhiều diện tích đất dùng cho các mục đích phi nông nghiệp được đầu tư vốn lớn, xây dựng các khu sản xuất, kinh doanh tập trung đã bước đầu cho thấy có hiệu quả, không những đem lại nguồn thu cho Nhà nước, người đầu tư mà còn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực.

- Người dân có tập quán canh tác lúa nước, trồng màu lâu đời đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong sử dụng đất. Hiệu quả sử dụng đất đã được người dân chú trọng hơn. Người dân đã chú trọng nghiên cứu, ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như giống mới thâm canh cân đối, phòng trừ sâu bệnh...chính vì vậy năng suất cây trồng ngày càng được nâng cao dù một phần

diện tích đất nông nghiệp đã được chuyển cho các mục đích phi nông nghiệp nhưng an ninh lương thực vẫn đảm bảo, có một phần lương thực, thực phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Đất đai của các xã ngày càng được khai thác hiệu quả hơn, hệ số quay vòng đất đai ngày càng lớn.

- Tuy nhiên trong những năm vừa qua tình trạng sử dụng quá nhiều phân bón, thuốc trừ sâu làm cho đất đai có xu hướng suy thoái làm giảm sức sản xuất. Vấn đề cơ giới trong sử dụng đất cũng gặp nhiều khó khăn vì người dân thiếu vốn.

- Hàng năm phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp tốt phòng Tài chính xem xét, cân đối kinh phí, sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm để tham mưu cho UBND huyện, thông qua hội đồng nhân dân phân bổ cho các phòng, ngành và địa phương đảm bảo kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra tiếp tục hướng dẫn, theo dõi địa phương sử dụng đúng nội dung, đúng mục đích chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 114/2004/TTLT-BTC-BTNMT, ngày 29/12/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước phục vụ cho việc phát triển Công nghiệp, dịch vụ - thương mại, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu về khoa học môi trường, đặc biệt công nghệ xử lý chất thải, phòng chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, xây dựng các đề án, dự án bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu ứng dụng rộng rãi các chỉ tiêu, tiêu chuẩn môi trường trong việc lựa chọn công nghệ, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, xây dựng và vận dụng các dự án xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Bên cạnh các hình thức tự nguyện, tăng cường chế tài bắt buộc áp dụng công nghệ sản xuất sạch và đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nước thải, đối với các dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

Cần giành quỹ đất hợp lý để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại. Đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản và phúc lợi công cộng để nâng cao dân trí cả ở khu vực đô thị và nông thôn. Đáp ứng yêu cầu đất đai cho phát triển không gian huyện với mục tiêu là phát triển đa ngành, đặc biệt là quỹ đất cho phát triển ngành dịch vụ, du lịch....

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Bảng 6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất quy hoạch kỳ trước.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu CMD được duyệt	Kết quả thực hiện CMD đến năm 2020		
				DT chuyển mục đích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
1	Đất nông nghiệp	NNP	129.964,00	131.787,29	1.823,29	101,40
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.277,00	4.011,09	734,09	122,40
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.195,00	2.007,06	-187,94	91,44
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.560,00	11.657,22	7.097,22	255,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.913,00	4.522,85	2.609,85	236,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	43.395,00	39.374,00	-4.021,00	90,73
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	71.267,00	71.995,61	728,61	101,02
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	191,00	29,63	-161,37	15,51
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	5.361,01	196,87	-5.164,14	3,67
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.089,00	4.529,21	-2.559,79	63,89
2.1	Đất quốc phòng	CQP	406,04	13,62	-392,42	3,35
2.2	Đất an ninh	CAN	3,00	2,03	-0,97	67,67
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,00		-20,00	
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	324,00	9,47	-314,53	2,92
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	560,00	425,37	-134,63	75,96
	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,00	0,60	-11,40	5,00
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	70,39	13,47	-56,92	19,14
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.543,78	2.471,04	-1.072,74	69,73
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	944,07	515,83	-428,24	54,64
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	114,22	33,49	-80,73	29,32
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH	24,58	4,51	-20,07	18,35
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT	9,69	2,94	-6,75	30,34
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD	85,98	49,80	-36,18	57,92
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	188,81	5,58	-183,23	2,96
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	2.070,32	1.795,91	-274,41	86,75
	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	DSH	5,81	3,59	-2,22	61,79
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	1,77	2,20	0,43	124,29
	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	DXH	3,50		-3,50	
	<i>Đất chợ</i>	DCH	4,06	0,49	-3,57	12,07
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	2,87	4,67	1,80	162,72
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	22,00	1,04	-20,96	4,73
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	26,00	6,81	-19,19	26,19
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	NTD	45,91	47,77	1,86	104,05
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	955,00	515,88	-439,12	54,02

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu CMD được duyệt	Kết quả thực hiện CMD đến năm 2020		
				DT chuyển mục đích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	50,00	194,21	144,21	388,42
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	68,00	23,50	-44,50	34,56
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	27,00	4,88	-22,12	18,07
2.13	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		12,05	12,05	
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	460,12	735,47	275,35	159,84
2.16	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC	11,51	12,08	0,57	104,95
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	572,36	1,98	-570,38	0,35

a. Đất nông nghiệp:

* Theo số liệu quy hoạch được phê duyệt kỳ trước, có sự chuyển đổi, chuyển mục đích giữa các loại đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp: Theo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện, diện tích quy hoạch đất nông nghiệp của huyện Kon Plông là 129.964 ha kết quả thực hiện được 131.787,29 ha tăng 1.823,29 ha so với diện tích quy hoạch được phê duyệt.

+ Diện tích quy hoạch đất trồng lúa được phê duyệt là 3.277 ha, kết quả thực hiện đạt 4.011,09 ha tăng 734,09 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất trồng cây hàng năm là 4560 ha kết quả thực hiện đạt 11.657,22 ha tăng 7.097,22 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất trồng cây lâu năm là 1913 ha, kết quả thực hiện đạt 4522,85 ha tăng 2.609,85 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ là 43.395 ha, kết quả thực hiện đạt 39.374 ha giảm 4.021 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất rừng sản xuất là 71.267 ha, kết quả thực hiện đạt 71.995,61 ha tăng 728,61 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản là 191 ha, kết quả thực hiện đạt 29,63 ha, giảm 161,37 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất nông nghiệp khác là 5.361,01 ha, kết quả thực hiện đạt 196,87 ha, giảm 5.164,14 ha.

b. Đất phi nông nghiệp:

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện Kon Plông được phê duyệt kỳ trước là 7.089 ha kết quả thực hiện đạt 4.529,21 ha giảm 2.559,79 ha.

+ Diện tích đất quốc phòng được phê duyệt quy hoạch là 406,04 ha kết

quả thực hiện đạt 13,62 ha giảm 392,42 ha.

+ Diện tích đất an ninh được phê duyệt quy hoạch là 3 ha, kết quả thực hiện đạt 2,03 ha giảm 0,97 ha.

+ Diện tích đất cụm công nghiệp được phê duyệt quy hoạch là 20 ha, kết quả thực hiện đạt 0 ha, giảm 20 ha.

+ Diện tích đất thương mại dịch vụ được phê duyệt quy hoạch là 324 ha, kết quả thực hiện đạt 9,47 ha, giảm 314,53 ha.

+ Diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được phê duyệt quy hoạch là 560 ha, kết quả thực hiện đạt 425,37 ha, giảm 134,63 ha.

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng được phê duyệt quy hoạch là 3.543,78 ha, kết quả thực hiện đạt 2.471,04 ha giảm 1.072,74 ha.

- Diện tích đất giao thông được phê duyệt quy hoạch là 944,07 ha, kết quả thực hiện đạt 515,83 ha.

- Diện tích đất thủy lợi được phê duyệt quy hoạch là 114,22 ha, kết quả thực hiện đạt 33,49 ha.

- Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa phê duyệt quy hoạch là 25,48 ha, kết quả thực hiện đạt 4,51 ha.

- Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế phê duyệt quy hoạch là 9,69 ha, kết quả thực hiện đạt 2,94 ha.

- Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục phê duyệt quy hoạch là 85,98 ha, kết quả thực hiện đạt 49,80 ha.

- Diện tích đất xây dựng cơ sở thể thao phê duyệt quy hoạch là 188,81 ha, kết quả thực hiện đạt 5,58 ha.

- Diện tích đất xây dựng công trình năng lượng phê duyệt quy hoạch là 2070,32 ha, kết quả thực hiện đạt 1795,91 ha.

- Diện tích đất xây dựng công trình bưu chính, viễn thông phê duyệt quy hoạch là 1,77 ha, kết quả thực hiện đạt 2,2 ha.

+ Diện tích đất ở tại nông thôn được phê duyệt quy hoạch là 955 ha, kết quả thực hiện đạt 515,88 ha giảm 439,14 ha.

+ Diện tích đất ở tại đô thị được phê duyệt quy hoạch là 50 ha, kết quả thực hiện đạt 194,21 ha tăng 144,21 ha.

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phê duyệt quy hoạch là 68 ha, kết quả thực hiện đạt 23,5 ha giảm 44,5 ha.

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp được phê duyệt quy hoạch là 27 ha, kết quả thực hiện đạt 4,88 ha, giảm 22,12 ha.

+ Diện tích đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ được phê duyệt quy hoạch là 70,39 ha, kết quả thực hiện đạt 13,47 ha giảm 56,92 ha.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp khác được phê duyệt quy hoạch là 572,36 ha, kết quả thực hiện đạt 1,98 ha giảm 570,38 ha.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

3.2.1. Những kết quả đạt được

- Tại thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng tây nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 nêu rõ quan điểm chỉ đạo của Chính Phủ, Thủ Tướng Chính Phủ là “Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, quyết tâm khôi phục và phát triển rừng bền vững”, cũng tại mục 2 điểm a của thông báo này có nêu rõ “Bộ tài nguyên và môi trường hướng dẫn các địa phương rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vùng Tây Nguyên; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái phép; kiên quyết chấm dứt tình trạng “hợp thức hóa” đất phá rừng, sang nhượng trái pháp luật”. Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 1 năm 2017 của ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng cùng với đó là Luật Lâm Nghiệp năm 2017 cũng nhấn mạnh đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, trên tinh thần đó tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước và các kỳ tiếp theo vừa thu hút các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh vừa thực hiện tốt các chỉ đạo của Chính Phủ và Thủ Tướng Chính Phủ về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Nhìn chung, việc sử dụng đất thực hiện các dự án đầu tư quy hoạch sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn huyện Kon Plông đảm bảo đúng pháp luật và theo tinh thần chỉ đạo của Chính Phủ, Thủ Tướng Chính Phủ cũng như đảm bảo tuân theo chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 1 năm 2017 của ban bí thư và Luật Lâm Nghiệp năm 2017.

- Có sự quan tâm chỉ đạo của huyện ủy, HĐND, UBND huyện trong việc triển khai và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất đã được cán bộ và nhân dân trên địa bàn huyện, xã nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng. Phương án quy hoạch được các cấp chính quyền công khai trong quá trình thực hiện, được nhân dân ủng hộ.

- Tư duy nhận thức về vị trí vai trò của công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước được nâng cao.

- Việc lập quy hoạch giai đoạn trước đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch, tạo hành lang pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

- Trong những năm qua, trên cơ sở phương án quy hoạch, huyện đã có những quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp thuận đầu tư của các dự án thuộc thành phần kinh tế đầu tư vào huyện.

- Việc quản lý và bảo vệ đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định

35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được thực hiện tốt, huyện đã quy hoạch các khu sản xuất lúa tập trung, xác định ranh giới đất lúa cần phải bảo vệ để đầu tư cải tạo hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, gia tăng năng suất, chất lượng sản phẩm lúa hàng hóa.

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phân kỳ 5 năm (2016-2020), thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn huyện.

3.2.2. Những tồn tại

- Công tác dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn; một số công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát sinh sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên không có căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất; ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của huyện. Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Công tác phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức.

- Vốn đầu tư thực hiện một số dự án có sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn hẹp dẫn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao.

- Cơ sở để xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm ở một số xã trong huyện còn thiếu căn cứ, chưa bám sát vào tình hình thực tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện và địa phương.

3.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại

- Hệ thống chính sách, pháp luật về đất đai được quan tâm đổi mới, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu khung quản lý đồng bộ. Chính sách đất đai và cơ chế đầu tư có sự thay đổi, nhưng vẫn bản hướng dẫn và sự phối hợp của các ngành trong việc tổ chức thực hiện chưa đồng bộ. Giá đất biến động cao ảnh hưởng phần nào đến tiến độ thực thi các dự án (đặc biệt ảnh hưởng đến công tác đền bù, hỗ trợ để thu hồi đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt. Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết. Phần lớn các ngành còn lúng túng trong việc gắn kết giữa kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc quy hoạch đến năm 2030 của huyện như sau:

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, không để tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất xảy ra làm rối loạn tình hình sử dụng đất và tác động xấu đến môi trường.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND các xã, thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

Huyện Kon Plông có tổng quỹ đất đai là 137.124,57 ha, hiện đã đưa vào sử

dụng 136.316,5 ha, chiếm 99,41% diện tích tự nhiên của huyện. Tiềm năng đất đai của huyện chủ yếu là khai thác theo chiều sâu, dựa trên nội lực và những ưu thế vốn có của huyện như khai thác du lịch sinh thái xứ lạnh Măng Đen, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, trồng các loại rau hoa xứ lạnh...

Theo Báo cáo “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai kỳ đầu tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020”. Tiềm năng đất đai của huyện Kon Plông được đánh giá:

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện tính đến ngày 31/12/2020 là 131.787,29 ha chiếm 96,11% tổng diện tích tự nhiên: Trong đó.

Đất sản xuất nông nghiệp (*đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác*) có tổng diện tích 20.417,66 ha chiếm 14,89% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Đất lâm nghiệp (*đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ*) có tổng diện tích 111.369,61 ha chiếm 81,21% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Với đặc điểm là một huyện miền núi có nhiều rừng, được thiên nhiên ưu ái với khí hậu nổi bật theo khí hậu xứ lạnh tạo điều kiện cho việc phát triển các loại cây trồng xứ lạnh, rau hoa xứ lạnh từ đó kết nối giữa mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp, từ các trang trại sản xuất nông nghiệp có thể kết hợp du lịch cảnh quan nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Xác định công nghiệp hóa nông thôn, phát triển dịch vụ tạo nên thế mạnh của huyện và nông nghiệp là nền tảng tạo sự phát triển bền vững, huyện Kon Plông đã chủ động thực hiện các biện pháp tích cực và thu được những kết quả đáng ghi nhận. Huyện đã kiên trì tổ chức thực hiện công tác phát triển nông lâm ngư nghiệp và các chương trình lồng ghép kinh tế - xã hội khác, đưa sản phẩm nông nghiệp từng bước trở thành hàng hóa. Vì vậy, sản lượng lương thực, thực phẩm mấy năm qua tăng đáng kể. Phát huy kết quả đó, trong thời gian tới, huyện sẽ tập trung chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển nông thôn; tăng cường ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch, phát triển hệ thống thủy lợi nhằm đưa diện tích đất chưa khai thác vào sử dụng.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

4.2.1. Tiềm năng đất phát triển công nghiệp

Kon Plông đã và đang tạo các chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, đối với các địa bàn xây dựng các điểm công nghiệp yêu cầu là đất bằng, đất đồi thấp, kết cấu địa tầng đất đảm bảo yêu cầu của xây dựng. Tuy nhiên do

điều kiện đất bằng ở huyện còn phải phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp, nên quá trình sử dụng đất để xây dựng các khu, cụm công nghiệp phải đặc biệt tiết kiệm.

a. Đất cụm công nghiệp

Theo đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông thành lập 2 cụm công nghiệp với tổng diện tích 70 ha: *Trong đó.*

Một cụm tại xã Măng Cành là 20 ha và một cụm tại xã Hiếu, Pờ Ê với tổng diện tích 50 ha.

b. Đất công trình năng lượng

Với ưu thế là một huyện miền núi, chủ yếu là đất rừng và có độ cao khoảng 1200m so với mực nước biển, nguồn năng lượng gió và hệ thống sông suối vô cùng thuận lợi cho việc phát triển ngành năng lượng.

Điều đó được chứng minh qua các dự án và quy mô các dự án xin đầu tư vào huyện Kon Plông như: Dự án Nhà máy điện gió Kon Plông với diện tích 66,04 ha, dự án Nhà máy điện gió Măng Cành với diện tích 32,89 ha, dự án thủy điện Đăk Lô 4 với diện tích 68 ha, dự án thủy điện Thượng Nam Vao với diện tích 15,16 ha...

c. Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Là một huyện miền núi, việc phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp gặp nhiều khó khăn nên việc phát triển các điểm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung đang được chú trọng, theo đồ án quy hoạch sử dụng đất năm 2030 huyện Kon Plông xác định thành lập các điểm sản xuất công nghiệp nhỏ lẻ như nhà máy chè xã Hiếu diện tích 3,53 ha. Điểm sản xuất phi nông nghiệp tại ngã tư Đông Trường Sơn diện tích 4,74 ha. Làng nghề truyền thống đặc trưng tại xã Pờ Ê diện tích 5 ha....

4.2.2. Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn

Các khu dân cư đô thị và nông thôn được phân bố hợp lý, có khả năng mở rộng và cải tạo, xen kẽ các hộ phát sinh có nhu cầu đất ở, vừa tận dụng được cơ sở hạ tầng, vừa tiết kiệm được quỹ đất nông nghiệp. Năm 2020 toàn huyện có 515,88 ha đất ở, chiếm 0,38 % diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất này sẽ tăng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch theo nhu cầu của người sử dụng đất.

PHẦN III
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KÌ 2021-2030
HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của huyện Kon Plông là:

- Phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chuyển nhanh sang phát triển theo chiều sâu dựa vào nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm đưa huyện ngày càng phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, tháo gỡ mọi khó khăn cản trở, phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng để phát triển Kon Plông với tốc độ nhanh, bền vững, hiệu quả. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên tất cả các lĩnh vực.

- Tăng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách kết hợp xã hội hóa đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Ưu tiên phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện rau, hoa xứ lạnh, cây dược liệu...Tạo đột phá phát triển nông nghiệp thông qua xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung áp dụng các qui trình canh tác hiện đại (VietGAP, GlobalGAP...), chuyên môn hóa cao như trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau, hoa, quả, củ tươi có giá trị hàng hóa lớn, phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao. Triển khai xây dựng các xã nông thôn mới kết hợp với phát triển làng nghề và các ngành nghề phi nông nghiệp tại chỗ ở nông thôn, đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi.

- Tiếp tục xây dựng và thu hút đầu tư lấp đầy các KCN, CCN có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, tiến tới phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sử dụng công nghệ sạch, cùng với phát triển làng nghề nhằm góp phần thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Bảo vệ và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị, làng nghề, khu dân cư nông thôn, khu du lịch. Tăng cường biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước từ các hoạt động công nghiệp, xây dựng. Tổ chức thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, phát huy yếu tố con người; tạo lập được đội ngũ lao động có chất lượng cao, có trình độ tiếp thu công nghệ hiện đại, có đủ phẩm chất, năng lực sáng tạo.

- Phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo công bằng xã hội nhằm giảm bớt sự chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển

kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh

1.2. Quan điểm sử dụng đất

1.2.1. Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai

Khi đất đai, nhất là đất có khả năng sản xuất có hạn thì việc sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững mang ý nghĩa thiết thực quan trọng trong quá trình sử dụng đất.

Biện pháp quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là hoàn thiện hệ thống thủy lợi và áp dụng các giống cây trồng vật nuôi thích hợp để nâng cao hệ số, hiệu quả sử dụng đất.

Đối với đất sản xuất phi nông nghiệp, cần bố trí diện tích và vị trí phù hợp để tận dụng được các ưu thế, lao động, nguồn nguyên liệu...

Đối với đất khu vực đô thị diện tích đất dành cho nhu cầu phát triển có hạn, cần có giải pháp quy hoạch không gian, nâng tầng đối với các công trình công cộng và nhà ở để tiết kiệm đất.

Đối với khu dân cư nông thôn, vấn đề quan trọng là bố trí hợp lý, thuận tiện cho sản xuất nhưng phải tạo điều kiện đầu tư tập trung và phát huy hiệu quả.

1.2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp

Trong những năm tới, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất một cách phù hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội là một xu thế tất yếu của huyện. Thực tế một vài năm gần đây cho thấy, việc chuyển đổi diện tích đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hay trang trại chăn nuôi là bước đi phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Ngoài ra, yêu cầu phát triển đòi hỏi huyện cần đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, phát triển nhiều công trình trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, giao thông, thủy lợi, vui chơi giải trí.

1.2.3. Duy trì bảo vệ đất nông nghiệp

Trong những năm qua, quỹ đất nông nghiệp của huyện ngày càng bị thu hẹp do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp vì thế bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình khai thác sử dụng đất. Phát triển công nghiệp, đô thị, kết cấu hạ tầng phải đồng bộ với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cần áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật để sử dụng đất đai tiết kiệm.

Trong trường hợp cần chuyển đổi đất nông nghiệp sang các mục đích khác, trừ những công trình mang tính chất bắt buộc, cần chọn những khu đất có năng suất kém, hiệu quả kinh tế thấp. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với nhu cầu của thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích đất canh tác.

1.2.4. Dành quỹ đất cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và đô thị

Phát triển kết cấu hạ tầng là điều kiện quan trọng để thu hút các nguồn đầu tư phát triển kinh tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện mặc dù đã được quan tâm đầu tư tuy nhiên đến nay nhiều lĩnh vực như du lịch, cụm công nghiệp, khu vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại còn thiếu. Do vậy, trong giai đoạn tới, huyện cần tranh thủ mọi nguồn đầu tư phát triển các khu du lịch, các trung tâm thương mại dịch vụ và các cụm công nghiệp. Đất dành cho các nhu cầu này là khá lớn và không thể không đáp ứng tuy nhiên cần hạn chế tối đa bố trí vào đất trồng lúa có hiệu quả kinh tế cao.

1.2.5. Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo tính bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường

Đất đai là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Môi trường đất được cải thiện hay phá huỷ một phần là do chính tác động của con người. Do đó trong quá trình khai thác đất đai không thể tách rời việc sử dụng đất với bảo vệ môi trường đất để đảm bảo tính bền vững, ổn định lâu dài.

Trong sản xuất nông nghiệp, việc bố trí cơ cấu cây trồng phải phù hợp với cơ cấu mùa vụ, điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu tránh làm suy thoái đất do bố trí cây trồng không đúng hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật không hợp lý. Cần phải xem xét đến tính độc hại của các loại chế phẩm hoá học như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng hợp lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất.

Trong quá trình phát triển công nghiệp, cần xác định rõ các loại hình công nghiệp, tính độc hại của các chất thải công nghiệp để bố trí đất đai cho phù hợp với môi trường xung quanh. Cần có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm đất, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái.

Kết hợp hài hòa giữa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với khôi phục môi trường sinh thái, tái tạo tài nguyên, đa dạng sinh học bảo vệ các danh lam thắng cảnh, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “*Khu chức năng sử dụng đất là khu vực đất có một hoặc nhiều loại đất được khoanh định theo không gian sử dụng để ưu tiên sử dụng vào một hoặc một số mục đích chủ yếu được xác định trong quy hoạch đảm bảo phát triển đồng bộ, hiệu quả, bền vững*”. Trên cơ sở đó huyện Kon Plông có định hướng sử dụng đất cho các khu chức năng như sau:

1.3.1. Định hướng sử dụng đất khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây lâu năm)

Giữ ổn định diện tích đất trồng lúa và sử dụng hiệu quả quỹ đất này theo diện tích hiện trạng sẵn có. Thực hiện thâm canh đa dạng hoá cây trồng trên cơ

sử dụng khoa học công nghệ mới, đặc biệt là việc đưa các giống có năng suất cao phù hợp với điều kiện của địa phương.

Hạn chế mức thấp nhất sử dụng đất chuyên trồng lúa nước chuyển vào các mục đích phi nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương trên địa bàn huyện.

Tăng cường đầu tư thâm canh theo chiều sâu, cấy ghép, sử dụng giống mới, cần tập trung thâm canh tăng năng suất. Với các loại cây lâu năm hiện đang được trồng phổ biến ở huyện Kon Plông như cây cà phê, cam, quýt, bưởi... thì áp dụng kỹ thuật lai tạo giống, ghép mô, thành lập tập đoàn ươm giống để tạo các loại cây có chất lượng tốt, năng suất cao.

Đến năm 2030 định hướng sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện Kon Plông là 3.969,88 ha tập trung chủ yếu tại các xã Măng Buk, xã Hiếu, xã Măng Cành và Thị Trấn Măng Đen. Định hướng sử dụng đất trồng cây lâu năm đến năm 2030 của huyện là 3.511,87 ha tập chung chủ yếu tại các xã Măng Cành, Ngọc Tem, xã Đăk Ring và Thị Trấn Măng Đen.

1.3.2. Định hướng sử dụng đất khu lâm nghiệp (Khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất)

Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng; ưu tiên phát triển rừng đầu nguồn vùng cao, ở những nơi xung yếu, vùng đầu nguồn các hồ chứa nước, độ dốc lớn phục vụ công tác phòng chống lũ, sạt lở.

Tập trung trồng rừng sản xuất trên phần diện tích quỹ đất rừng hiện có, khoanh nuôi, tái sinh rừng, vừa phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao độ che phủ bằng các giải pháp lâm sinh thích hợp với từng vùng. Phát huy lợi thế rừng và đất rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và khai thác lâm sản theo phương án quản lý rừng bền vững.

Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang các mục đích khác nhất là diện tích đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Nghiên cứu quy hoạch và phát triển các cơ sở chế biến lâm sản theo hướng công nghiệp. Đảm bảo khai thác gỗ theo phương án quản lý rừng bền vững, thực hiện nghiêm chủ trương dừng khai thác gỗ tự nhiên. Khuyến khích nâng cấp đầu tư đổi mới công nghệ chế biến theo hướng hiện đại, sản xuất các mặt hàng đa dạng, phong phú, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Định hướng sử dụng đất lâm nghiệp đến năm 2030 của huyện Kon Plông có tổng diện tích 107.242,99 ha trong đó đất rừng phòng hộ có diện tích 8.884,1 ha, đất rừng đặc dụng có diện tích 29.627 ha, đất rừng sản xuất có diện tích 68.731,89 ha. So với quy hoạch sử dụng đất kỳ trước thì quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Plông có thay đổi lớn về diện tích đất rừng đặc

dụng do được chuyển từ đất rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng Thạch Nham sang.

1.3.3. Định hướng sử dụng đất khu du lịch

Đầu tư xây dựng và phát triển du lịch trên địa bàn huyện, thu hút khách du lịch, góp phần nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho người dân. Phát triển du lịch chủ yếu theo hướng du lịch sinh thái điển hình như: Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen, làng du lịch cộng đồng Kon Pring, chùa Khánh Lâm...

1.3.4. Định hướng sử dụng đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Tại văn bản số 3324/UBND-NNTN của UBND tỉnh Kon Tum ngày 16/9/2021 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tham gia ý kiến dự thảo quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025). UBND tỉnh Kon Tum có tham gia ý kiến “ Đối với tỉnh Kon Tum, hiện nay có một phần diện tích thuộc huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum có đa dạng sinh học cao, tổ chức bảo vệ động vật hoang dã FFI và nhóm đối tác đã tiến hành khảo sát, điều tra, ghi nhận sự hiện diện của 38 loài động vật có vú, 124 loài chim và 25 loài thực vật quý hiếm, đặc biệt có khoảng 500 các thể Vọoc chà vá chân xám đang sinh sống. Xét về mục tiêu bảo vệ đa dạng sinh học, đặc biệt là bảo tồn loài Vọoc chà vá chân xám thì việc thành lập khu bảo tồn là cần thiết, tuy nhiên trong quy hoạch thì chưa có đất rừng đặc dụng.”

Trên tinh thần góp ý của UBND tỉnh Kon Tum về việc tham gia ý kiến dự thảo về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2030) thì UBND huyện Kon Plông thực hiện đưa vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 của huyện quy hoạch đất rừng đặc dụng để thành lập khu bảo tồn thiên nhiên thuộc huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum có diện tích 29.627 ha. (29.627 ha này đang là đất rừng phòng hộ và đang thuộc sự quản lý của ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham).

1.3.5. Định hướng sử dụng đất khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, đẩy mạnh công tác khuyến công, hạn chế ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo ra sức cạnh tranh cao.

Gắn quy hoạch các cụm công nghiệp - dịch vụ tập trung với quy hoạch phát triển dịch vụ, dân cư đảm bảo điều kiện sinh hoạt ăn ở và đi lại cho công nhân. Các khu, cụm công nghiệp tập trung đều phải có hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh để chống ô nhiễm môi trường.

Định hướng đến năm 2030 huyện Kon Plông có 70 ha đất cụm công nghiệp tập trung chủ yếu tại xã Măng Cành, xã Hiếu và Xã Pờ Ê góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

1.3.6. Định hướng sử dụng đất khu đô thị-thương mại-dịch vụ

Phát triển mạnh các đô thị để thực hiện tốt chức năng là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - dịch vụ của huyện.

Xây dựng và phát triển đô thị phù hợp với cảnh quan, văn hóa địa phương theo mô hình xanh, sạch, đẹp.

Phát huy mọi nguồn lực và tiềm năng để phát triển thương mại trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện

Nghiên cứu các loại hình dịch vụ, các ngành nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tạo thuận lợi để đầu tư phát triển. Quan tâm đầu tư xây dựng chợ nông thôn, các trung tâm thương mại, dịch vụ trung chuyên hàng hóa và đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông.

1.3.7. Định hướng sử dụng đất khu dân cư nông thôn

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn;

Xây dựng không gian nông thôn trên cơ sở bản sắc đặc trưng của từng địa phương, buôn làng, quy hoạch đất ở mới với quy mô đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng cơ bản như giao thông, nhà văn hóa, sân thể thao, công viên cây xanh.

Xây dựng nông thôn mới có tính toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Định hướng đến năm 2030 tổng diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn huyện Kon Plông là 771,97 ha tăng 256,09 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2020.

1.3.7. Định hướng sử dụng đất khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Trên cơ sở thực trạng khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện cho thấy, sự phân bố phân tán rải rác, dẫn đến sự đầu tư về cơ sở hạ tầng không đồng bộ, kém hiệu quả. Trong thời gian tới, huyện định hướng phát triển kết hợp chỉnh trang, nâng cấp nhà ở, công trình công cộng, công viên, cây xanh... góp phần hoàn thiện không gian cảnh quan đô thị, đồng thời phát triển các cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng của người dân.

1.4. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông

Đối với các dự án giao đất, cho thuê đất, thu hút đầu tư vào huyện để thực hiện các dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dự án phát triển rau hoa xứ lạnh, các dự án đầu tư, khai thác sản xuất nông nghiệp mà chưa xác định phần diện tích đất phi nông nghiệp khác để thực hiện phục các vụ dự án, huyện xác định dự kiến bố trí 2% tổng diện tích mỗi dự án để thực hiện xây dựng các công trình phi nông nghiệp khác để phục vụ cho mỗi dự án nhằm đảm bảo tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư trên địa bàn huyện, vị trí cụ thể đất phi nông nghiệp khác cho từng dự án sẽ được xác định chi tiết khi lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Đối với các dự án phát triển đô thị, phát triển du lịch có nhiều mục đích sử dụng đất khác nhau tại thời điểm lập quy hoạch sử dụng đất mà chưa lập quy hoạch chi tiết xây dựng, trước mắt xác định ranh giới các dự án và dự kiến bố trí một số loại đất trong khu vực ranh giới dự án. Về vị trí chi tiết, diện tích từng loại đất sẽ được xác định khi có quy hoạch chi tiết xây dựng của cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Các dự án khác đã có chủ trương khảo sát, đầu tư, hiện nay mới dự kiến xác định các khu vực triển khai và xác định sơ bộ trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất và dự kiến chỉ tiêu xây dựng các hạng mục dự án. Vị trí, diện tích sẽ được cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất khi có hồ sơ thiết kế chi tiết của từng dự án.

Việc cập nhật các dự án vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải đảm bảo chỉ tiêu của kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Việc cập nhật các dự án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông so với các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện đã được phê duyệt không thể thống nhất với nhau do nhiều nguyên nhân khác nhau và các dự án này đã được ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc các dự án đã có chủ trương đầu tư, các dự án xin điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 để thực hiện xây dựng đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500. Cụ thể như sau:

1.4.1. Định hướng xây dựng đồ án quy hoạch sử dụng đất đối các đồ án quy hoạch xây dựng.

a. Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực khai thác du lịch dịch vụ chất lượng cao phía Tây Bắc đô thị Kon Plông.

Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực khai thác du lịch dịch vụ chất lượng cao phía Tây Bắc đô thị Kon Plông được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định 1632/QĐ-UBND, ngày 30/12/2016.

Về cơ bản quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật toàn bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực khai thác du lịch dịch vụ chất lượng cao phía Tây Bắc đô thị Kon Plông chỉ có 1 vị trí duy nhất chưa thống nhất, đó là tại vị trí dự án của “ Công ty cổ phần đầu tư và thương mại 16-3” được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cho thuê đất để sử dụng vào mục đích nuôi trồng, sản xuất dược liệu và rau hoa xứ lạnh tại Quyết định 1381/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 tại vị trí đó trong đồ án quy hoạch xây dựng là đất rừng tự nhiên phục vụ cho du lịch sinh thái đô thị Kon Plông.

b. Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Bắc đô thị Kon Plông.

Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Bắc đô thị Kon Plông được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định 1395/QĐ-UBND ngày 31/12/2014.

Về cơ bản quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật toàn bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Bắc đô thị Kon Plông, các vị trí chưa thống nhất giữa đồ án quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 và quy hoạch sử dụng đất cụ thể như sau:

- Tại vị trí công trình “Nhà máy thủy điện Đăk Pône” có ranh giới khác với ranh giới theo đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Bắc đô thị Kon Plông đã có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định 553/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Theo đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông tại vị trí đối diện khu đấu giá quyền sử dụng đất dọc đường Trần Nhân Tông tương ứng với vị trí khu C (các vị trí GT 01, GT 02, GT 03, GT04, GT 05, GT 06) hiện trạng sử dụng đất là đất ở của các hộ gia đình chúng đấu giá quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trong đồ án quy hoạch xây dựng, toàn bộ khu đất đó được quy hoạch đất thương mại dịch vụ phục vụ cho các hoạt động vui chơi,

giải trí, phía sau các lô đất ở hiện trạng đã cập nhật theo đồ án quy hoạch xây dựng là đất thương mại dịch vụ.

c. Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông.

Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định 1633/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

So với các đồ án quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông có sự thay đổi nhiều nhất, Chi tiết như sau.

- Theo đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông tại vị trí dự án của công ty TNHH Hoàng Tùng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cho thuê đất để sử dụng vào mục đích “Khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái Măng Đen” tại Quyết định 1139/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2016, tương ứng với hạng mục số 26 khu C-số 3-khu phía Bắc của đồ án quy hoạch xây dựng đang quy hoạch thành phố trong rừng phía Bắc. Phù hợp với quyết định điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 80/QĐ-UBND, ngày 01/02/2021.

- Cũng tại hạng mục số 26 khu C-số 3-khu phía Bắc của đồ án quy hoạch xây dựng, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật dự án “khu đất ở kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng du lịch tại thị trấn Măng Đen”, đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định 1224/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện Kon Plông về Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đất ở kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng du lịch tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông (khu vực phía Đông hồ Toong Đam) cho phù hợp với các quyết định điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 966/QĐ-UBND, ngày 02/10/2020; Quyết định 80/QĐ-UBND, ngày 01/02/2021 và Quyết định 642/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Tại các hạng mục 15, 16, 17 thuộc khu B-số 2-Trung tâm tài chính thương mại. Các hạng mục 20, 22 khu C-số 3-khu phía Bắc và các hạng mục 35, 40 khu E-số 5-khu phía Đông Nam của đồ án quy hoạch xây dựng, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật dự án “Khu thương mại, dịch vụ và nhà ở phía Nam hồ Toong Đam, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông” với tổng diện tích 14,72 ha đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại

Quyết định 1237/QĐ-UBND, ngày 29/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông cho phù hợp với các quyết định điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 966/QĐ-UBND, ngày 02/10/2020; Quyết định 80/QĐ-UBND, ngày 01/02/2021 và Quyết định 642/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Tại hạng mục 28.4 thuộc khu D-số 4-khu phía Đông theo đồ án quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 đang quy hoạch đất công viên cây xanh khu nuôi thú tự nhiên, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật theo Quyết định 224/QĐ-UBND ngày 1 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho trường đại học Cần Thơ để thực hiện dự án “Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ-Trường đại học Cần Thơ (đợt 1)”.

- Tại hạng mục 32 thuộc khu E-số 5-phía Đông Nam theo đồ án quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 đang quy hoạch mô hình thành phố trong rừng khu Đông Nam gồm các điểm nghỉ dưỡng thương mại dịch vụ và hệ thống đường giao thông, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật theo Quyết định 1470/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum V/v thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH ADC thuê để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và trồng dược liệu dưới tán rừng đợt 1; Quyết định 1132/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc cho thuê rừng, gắn với cho thuê đất cho công ty TNHH ADC để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và trồng dược liệu dưới tán rừng đợt 2.

- Tại hạng mục 27, 28 thuộc khu E-số 4-khu phía Đông theo đồ án quy hoạch xây dựng tỉ lệ 1/2000 đang quy hoạch công viên thanh thiếu niên thể dục thể thao, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông đã cập nhật theo Công văn số 117/CV-HAGL ngày 13 tháng 12 năm 2021 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về đề xuất ý tưởng đầu tư dự án “Khu đô thị du lịch và Học viện bóng đá Hoàng Anh-Măng Đen”. Cũng tại văn bản số 3304/UBND-HTKT ngày 15 tháng 9 năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cũng có văn bản gửi công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai về việc hoàn thiện ý tưởng đầu tư dự án.

d. Đồ án quy hoạch xây dựng theo Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái

Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

Cơ bản các đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu vực phía Tây Bắc, khu vực phía Đông Bắc, khu vực phía Đông Nam đô thị Kon Plông và đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng theo quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và quy hoạch chung đô thị Kon Plông đến năm 2030, tuy nhiên vẫn có một số thay đổi, cụ thể chi tiết như sau.

- Tại hạng mục N1, N2, N3, N4, N5, C1, X1 của đồ án quy hoạch xây dựng 298 đang quy hoạch đất ở và công viên cây xanh tại thị trấn Măng Đen, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 16/01/2021 của UBND huyện Kon Plông V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Dự án khai thác quỹ đất khu biệt thự phía Bắc trung tâm huyện Kon Plông.

- Tại vị trí bến xe huyện Kon Plông, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và cho hợp tác xã vận tải cơ giới hàng hóa và hành khách Tây Nguyên thuê đất để thực hiện dự án: “ Xây dựng bến xe khách huyện Kon Plông”. Tại vị trí đó theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất ở kết hợp dịch vụ.

- Tại vị trí Chợ Kon Plông, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 1257/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và cho công ty TNHH Mỹ Long Măng Đen thuê đất để xây dựng chợ Kon Plông, tại vị trí đó theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất ở kết hợp dịch vụ.

- Tại vị trí dự án cửa hàng xăng dầu huyện Kon Plông, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 1124/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho công ty TNHH Tin Nguyên TN thuê đất để thực hiện dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu huyện Kon Plông, tại vị trí đó theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất ở kết hợp dịch vụ.

- Tại vị trí dự án của công ty TNHH Mỹ Long Măng Đen, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 511/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc

chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất; cho thuê rừng gắn với giao đất cho công ty TNHH Mỹ Long Măng Đen để thực hiện dự án vườn hoa Măng Đen, trồng cây dược liệu kết hợp du lịch dưới tán rừng đợt 1, tại vị trí đó theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất ở kết hợp dịch vụ và đất rừng phòng hộ sát tỉnh lộ 676.

- Tại vị trí dự án của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ nông lâm Nam Bộ, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 7 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Trường Cao đẳng nghề Công nghệ nông lâm Nam Bộ để xây dựng Trại thực hành lâm sinh kết hợp du lịch sinh thái (bổ sung). Tại vị trí đó, toàn bộ diện tích đã giao cho Trường Cao đẳng nghề Công nghệ nông lâm Nam Bộ theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất ở kết hợp dịch vụ.

- Tại vị trí dự án của ông Đặng Vĩnh An, đồ án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kon Plông cập nhật theo Quyết định 514/QĐ-UBND ngày 3 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc cho ông Đặng Vĩnh An thuê đất để xây dựng khu du lịch sinh thái. Tại vị trí đó, toàn bộ diện tích đã cho ông Đặng Vĩnh An thuê đất theo đồ án quy hoạch xây dựng 298 của Thủ tướng Chính phủ đang quy hoạch đất mặt nước và đất rừng sản xuất.

Hiện nay thủ tướng chính phủ đã có văn bản bản số 793/TTg-CN về việc lập thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum ngày 8 tháng 6 năm 2021 cho phép lập quy hoạch chung thị trấn Măng Đen và hải đảm bảo tuân thủ quy hoạch xây dựng vùng sinh thái Măng Đen đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 298/QĐ-TTg ngày 05 tháng 2 năm 2013. Huyện Kon Plông đang tổ chức lập quy chung thị trấn Măng Đen để đảm bảo tiến độ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Huyện Kon Plông định hướng cập nhật các đồ án quy hoạch xây dựng phân khu, các quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và còn hiệu lực, cập nhật các dự án đã được giao đất, cho thuê đất và các dự án đang có chủ trương đầu tư và khảo sát dự án đầu tư trên địa bàn huyện và sẽ được cập nhật vào đồ án quy hoạch chung thị trấn Măng Đen trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp quy hoạch sử dụng đất có mâu thuẫn với quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, UBND huyện Kon Plông rà soát, đối chiếu và trình, điều chỉnh cho thống nhất và đồng bộ với quy hoạch xây dựng.

e. Cập nhật đồ án quy hoạch chung thị trấn Măng Đen vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Plông:

- Hiện nay, UBND huyện Kon Plông đang lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Để kịp thời thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, trên cơ sở nội dung làm việc liên ngành ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa Sở xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông và Sở Tài nguyên và Môi trường, huyện Kon Plông đã cập nhật các đồ án quy hoạch xây dựng còn hiệu lực trên địa bàn huyện Kon Plông, cập nhật các dự án đã được ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030. Đối với các vị trí dự kiến lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng, các dự án đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất việc khảo sát lập dự án đầu tư nhưng chưa phù hợp với quy hoạch xây dựng, trước mắt khoanh vùng các vị trí trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất, dự kiến các loại đất thực hiện để tổng hợp vào chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Plông.

- Khi đồ án quy hoạch chung thị trấn Măng Đen được cấp có thẩm quyền phê duyệt, huyện Kon Plông sẽ rà soát quy hoạch sử dụng đất đối với những nội dung không phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt sẽ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh theo quy định và được cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện để tổ chức thực hiện.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- (1) Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 12% trở lên /năm;
- (2) Giá trị sản xuất nông nghiệp và lâm sản tăng bình quân từ 2% trở lên/năm;
- (3) Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân từ 15% trở lên/năm;
- (4) Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế đến năm 2025: nông nghiệp, thủy sản 28% - công nghiệp, TTCN, xây dựng 45% - dịch vụ 27%;
- (5) Đến năm 2025, có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- (6) Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10% trở lên so với kế hoạch được giao;
- (7) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 100%; Tiểu học: 100%; THCS: 100%; THPT: 80%;
- (8) Đến năm 2025, tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 97%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 55% trở lên;
- (9) Duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; hạn chế đến mức thấp nhất tỷ số chênh lệch giới tính khi sinh. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1%;
- (10) Đến năm 2025, giảm 2/3 số hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới;

(11) Duy trì 85% trở lên số làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa;

(12) Hàng năm, tạo việc làm mới cho từ 2.500 đến 2.700 lao động; đến năm 2025; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 30% trở lên;

(13) Xây dựng quy hoạch vùng, gắn với quy hoạch đô thị nông thôn trong toàn huyện; chương trình phát triển đô thị để đến năm 2030 huyện Kon Plông.

(14) Đến năm 2025, tỷ lệ hộ được sử dụng nước máy đạt 100%; tỷ lệ rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt trên 90%, rác thải đô thị 100%; tiêu huỷ, xử lý 100% chất thải y tế, trên 95% chất thải nguy hại; tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

(15) Hàng năm có từ 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90% trở lên. Mỗi năm kết nạp từ 180 đảng viên trở lên.

(16) Hàng năm có 75% trở lên chính quyền cơ sở đạt tập thể lao động tiên tiến; có 90% trở lên số tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

2.1.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

- Mục tiêu: Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng CNH-HĐH, nông nghiệp sinh thái và sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập chung ứng dụng công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

- Là mũi nhọn phát triển kinh tế XH của huyện từ đó làm động lực phát triển các lĩnh vực khác

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá với sản phẩm chất lượng cao chiếm tỷ trọng lớn thông qua việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn nâng cao. Đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội - môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động; Đa dạng hoá sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng; Tăng nhanh, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hoá.

2.1.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm thuận lợi cho việc thu hút đầu tư các dự án công nghiệp, TTCN.

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng

chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng... Cùng cố và phát triển các làng nghề.

- Đổi mới trang thiết bị, tổ chức và quản lý sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái.

2.1.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả du lịch, dịch vụ của tỉnh và của huyện, trong đó chú trọng phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với du lịch, văn hóa.

- Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái gắn với quảng bá, phát triển các sản phẩm nông nghiệp (OCOP); Gắn kết các hoạt động thương mại, dịch vụ, văn hóa, thúc đẩy tiêu dùng.

- Tạo liên kết bền vững chuỗi giá trị từ thương mại-du lịch-dịch vụ-sản xuất; đảm bảo nguồn cung hàng hóa có chất lượng tốt, hàng hóa có thương hiệu của huyện, hàng hóa phục vụ cho ngành du lịch.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện và cấp xã

Đến thời điểm này chỉ tiêu phân bổ Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 tỉnh Kon Tum vẫn đang thực hiện và chưa hoàn thành, do đó chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Kon Plông được xác định trên cơ sở các công trình dự án có nhu cầu cấp thiết có tính khả thi cần thực hiện nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện Kon Plông.

Bảng 7: Danh mục cấp tỉnh trên địa bàn huyện.

STT	Tên công trình dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích	Địa điểm thực hiện
1	Đất cụm công nghiệp	SKN		
1.1	Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp	SKN	50	Xã Pờ Ê, Hiếu
1.2	Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Măng Đen	SKN	20,00	Xã Măng Cành
2	Đất khu đô thị	ODT		
2.1	Dự án khu thương mại, dịch vụ và nhà ở phía Nam hồ Toong Đam, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông	ODT	14,72	TT Măng Đen

STT	Tên công trình dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích	Địa điểm thực hiện
2.2	Đấu giá quyền sử dụng đất các lô nhỏ lẻ trên địa bàn thị trấn Măng Đen	ODT	2	TT Măng Đen
2.3	Dự án Khu nhà ở liền kề có vườn tại thị trấn Măng Đen	ODT	5,80	TT Măng Đen
2.4	Khu đất ở biệt thự và đất ở liền kề của dự án tổ hợp sân golf, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị Măng Đen	ODT	24,48	TT Măng Đen
2.5	Chia lô đấu giá quyền sử dụng đất khu vực phía Đông Nam trung tâm huyện KonPLông	ODT	4,50	TT Măng Đen
3	Đất công trình năng lượng	DNL		
3.1	Thủy điện Đăk Lô 4	DNL	68,00	Xã Ngọc Tem
3.2	Thủy điện Đăk RoBaye	DNL	3,3	Xã Ngọc Tem
3.3	Dự án nhà máy điện gió Kon Plông	DNL	66,04	TT Măng Đen, Xã Măng Cành
3.4	Thủy điện Thượng Nam Vao	DNL	15,16	Xã Đăk Nén
3.5	Thủy điện Nam Vao 1	DNL	12,06	Xã Đăk Nén
3.6	Thủy điện Nam Vao 2	DNL	11,94	Xã Đăk Nén
3.7	Thủy điện nước Trê	DNL	41,16	Xã Đăk Ring
3.8	Nhà máy thủy điện Đăk Pônê - Nhà máy thủy điện hồ B và nâng cấp đập hồ A	DNL	2,97	TT Măng Đen
3.9	Thủy điện Đăk lô 1	DNL	31,49	Xã Ngọc Tem
3.10	Thủy điện Đăk lô 3	DNL	32,81	Xã Ngọc Tem
3.11	Thủy điện Đăk Nghé	DNL	11,02	Xã Măng Cành
3.12	Nhà máy Điện gió Măng Cành	DNL	32,89	Xã Măng Cành
3.13	Thủy điện Nước Dao	DNL	25,00	Xã Đăk Ring
3.14	Thủy điện Tà Ấu	DNL	10,00	Xã Ngọc Tem, Xã Đăk Ring
3.15	Nhà máy điện gió CWP xã Hiếu	DNL	37,8	Xã Hiếu
3.16	Thủy điện Đăk Re thượng	DNL	17,86	Xã Hiếu
3.17	Thủy điện Đăk BoKo 1	DNL	19,95	Xã Pờ Ê

STT	Tên công trình dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích	Địa điểm thực hiện
3.18	Thủy điện nước long 1	DNL	18,8	Xã Pờ Ê
4	Đất giao thông	DGT		
4.1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 676 nối huyện Kon Plong tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi	DGT	205,56	Xã Đăk Ring, Đăk Tăng
4.2	Dự án nâng cấp các đoạn xung yếu trên quốc lộ 24	DGT	57,26	Xã Pờ Ê, Thị trấn Măng Đen, Xã Hiếu
4.3	Đường tránh Trung tâm huyện	DGT	21,37	TT Măng Đen
4.4	Đường từ QL 24 đi khu nghỉ dưỡng khu vực Đông Nam	DGT	10,00	TT Măng Đen
4.5	Đường DH34 (Đoạn Km116 +650 QL24 đi Km5+463)	DGT	12,00	TT Măng Đen, Xã Măng Cành
4.6	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã Ngọc Tem đi Đăk Rơ Mạnh	DGT	14,01	Xã Đăk Ring
4.7	Nâng cấp, mở rộng Đường Thanh Minh Tám (đoạn Km0+00 đến Km 2+300), huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.	DGT	5,60	TT Măng Đen
4.8	Đường giao thông kết nối TL 676 tỉnh Kontum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam	DGT	4	Xã Đăk Nén
4.9	Đường DH34 (Đoạn Km5+463 - Km15 TL676)	DGT	17,00	Xã Măng Cành
4.10	Đường từ trung tâm huyện kết nối đường Đông Trường Sơn	DGT	16,00	Xã Măng Cành
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD		
5.1	Khu sân golf của dự án tổ hợp sân golf, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị Măng Đen	TMD	66,82	TT Măng Đen
5.2	Khu thương mại dịch vụ của dự án tổ hợp sân golf, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị Măng Đen	TMD	5,42	TT Măng Đen
5.3	Khu du lịch sinh thái Kon Tu Răng	TMD	18,77	TT Măng Đen
5.4	Cửa hàng xăng dầu xã Ngọc Tem	TMD	0,07	Xã Ngọc Tem
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		
6.1	Dự án xây dựng làng nghề TTCN Kon Năng	SKC	0,5	Xã Măng Cành
6.2	Dự án xây dựng Nhà máy nước sinh hoạt số 2	SKC	26	TT Măng Đen
7	Đất bãi thải, sử lý chất thải	DRA		

STT	Tên công trình dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích	Địa điểm thực hiện
7.1	Dự án nâng cấp, cải tạo các đoạn xung yếu trên QL 24. Hạng mục bãi thải gói thầu số 04 thuộc dự án thành phần 2 (đoạn qua tỉnh Kon Tum).	DRA	5,88	TT Măng Đen, Xã Hiếu
7.2	Khu xử lý chất thải rắn huyện Kon Plông	DRA	10,00	TT Măng Đen
8	Đất nông nghiệp khác	NKH		
8.1	Đầu tư xây dựng vùng sản xuất rau, củ, quả ôn đới ứng dụng công nghệ cao	NKH	30	TT Măng Đen
8.2	Dự án trang trại xanh khép kín kết hợp chăn nuôi lợn thịt sạch	NKH	59	Xã Pờ Ê
8.3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, sản xuất giống dược liệu (giống gốc, giống thương phẩm) trên địa bàn tỉnh Kon Tum	NKH	6	Xã Măng Buk
8.4	Sản xuất hạt giống cây trồng ôn đới	NKH	10	TT Măng Đen
8.5	Ứng dụng công nghệ cao trồng, chăm sóc dược liệu dưới tán rừng	NKH	26,68	TT Măng Đen
8.6	Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Kon Plông	NKH	256	Xã Hiếu
8.7	Dự án nuôi bò thịt trên địa bàn huyện Kon Plông	NKH	100	Xã Đăk Nên, Đăk Rìng, Pờ Ê, Ngọc Tem
9	Dự án không thay đổi mục đích sử dụng đất			
9.1	Dự án nuôi cá nước lạnh trên các lòng hồ thủy điện gắn với du lịch sinh thái tại huyện Kon Plông	DNL	50	Xã Đăk Nên, Xã Đăk Tằng, Xã Đăk Rìng
9.2	Dự án cải tạo, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với du lịch sinh thái dưới tán rừng	RSX	350	TT Măng Đen
9.3	Trồng cây dược liệu dưới tán rừng của công ty Lê Ngọc Quỳnh Anh	RSX	4,76	TT Măng Đen
9.4	Dự án đầu tư Trồng cây dược liệu kết hợp trồng các loại rau, hoa, củ, quả sạch của Công ty CP đầu tư Thương Mại và Dịch vụ Phúc Khang	RSX	49,2	TT Măng Đen
9.5	Trồng dược liệu dưới tán rừng của công ty TNHH Nông trại Châu Âu	RSX	46,63	TT Măng Đen
9.6	Dự án nông nghiệp công nghệ cao, trồng các loại dược liệu dưới tán rừng kết hợp với du lịch sinh thái để quản lý bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV Nông trại và du lịch sinh thái Tây Nguyên	RSX	49,4	TT Măng Đen

STT	Tên công trình dự án	Mã loại đất	Tổng diện tích	Địa điểm thực hiện
9.7	Trồng và chế biến dược liệu và giới thiệu sản phẩm kết hợp với du lịch trang trại nông nghiệp của công ty TNHH nông nghiệp sạch Tây Nguyên	RSX	249,1	Xã Pờ Ê, Thị trấn Măng Đen
9.8	Dự án trồng cây dược liệu gắn với quản lý, bảo vệ rừng	RSX	100	Xã Hiếu
9.9	Dự án đầu tư trồng cây dược liệu dưới tán rừng	RSX	144,3	Xã Măng Cành
9.10	Dự án Trồng cây dược liệu dưới tán rừng kết hợp du lịch sinh thái để quản lý bảo vệ rừng của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển dược liệu Kon Tum	RSX	36,72	Xã Măng Cành

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

*** Đất trồng lúa**

Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa đến năm 2030, huyện xác định giảm đi 41,21 ha để thực hiện một số hạng mục đất phi nông nghiệp.

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2030, huyện xác định giảm đi 1.198,7 ha.

*** Đất trồng cây lâu năm**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm đến năm 2030, huyện xác định giảm đi 1.221,45 ha.

*** Đất rừng phòng hộ**

Nhu cầu sử dụng đất rừng phòng hộ đến năm 2030, huyện xác định giảm đi 30.489,9 ha, trong đó giảm 29.627 ha để chuyển sang đất rừng đặc dụng.

*** Đất rừng đặc dụng**

Nhu cầu sử dụng đất rừng đặc dụng đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 29.627 ha.

*** Đất rừng sản xuất**

Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất đến năm 2030, huyện xác định giảm đi 3.263,72 ha.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 3,28 ha.

*** Đất nông nghiệp khác**

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 835,02 ha, tại thị trấn Măng Đen, xã Măng Cành.

*** Đất quốc phòng**

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng đến năm 2030 huyện xác định tăng

thêm 2.280,11 ha.

** Đất cụm công nghiệp*

Nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 70 ha.

** Đất thương mại dịch vụ*

Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 1.382,97 ha để quy hoạch các khu thương mại dịch vụ, trạm xăng dầu, chủ yếu tại thị trấn Măng Đen và xã Đăk Tăng.

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 28,78 ha để quy hoạch các khu sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, khu tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.

** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 6,03 ha.

** Đất giao thông*

Nhu cầu sử dụng đất giao thông đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 335,27 ha để quy hoạch các tuyến đường giao thông trục thôn, xã trên địa bàn huyện và đất giao thông phục vụ cho các khu đô thị.

** Đất thủy lợi*

Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 115,03 ha.

** Đất công trình năng lượng*

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng đến năm 2030 huyện xác định tăng 640,68 ha.

** Đất cơ sở giáo dục-đào tạo*

Nhu cầu sử dụng đất giáo dục đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 1,9 ha để xây dựng mới, mở rộng các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

** Đất cơ sở văn hóa*

Nhu cầu sử dụng đất văn hóa đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 3,1 ha.

** Đất cơ sở thể dục, thể thao*

Nhu cầu sử dụng đất thể thao đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 92,1 ha để quy hoạch xây dựng mới, mở rộng các sân thể thao thôn, sân thể thao xã, các ao bơi xã trên địa bàn huyện.

** Đất chợ*

Nhu cầu sử dụng đất chợ đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 1,61 ha.

** Đất công trình bưu chính viễn thông*

Nhu cầu sử dụng đất bưu điện đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 1,84 ha để quy hoạch xây dựng mới, mở rộng bưu điện các xã, các trạm BTS tại các xã.

** Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 44,04 ha để quy hoạch mới, mở rộng các điểm tập kết rác thôn, xã trên địa bàn huyện.

** Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa*

Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 59,1 ha để quy hoạch xây dựng mới, mở rộng các nghĩa trang, nghĩa địa thôn, nhà tang lễ xã trên địa bàn huyện.

** Đất cơ sở tôn giáo*

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo đến năm 2030 huyện xác định tăng thêm 15,4 ha.

** Đất ở tại nông thôn*

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 256,09 ha (Đã bao gồm đất hạ tầng) tại 8 xã trên địa bàn huyện để quy hoạch khu tái định cư; hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn.

** Đất ở tại đô thị*

Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 175,57 ha tại thị trấn Kon Plông.

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 4,87 ha.

** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Nhu cầu sử dụng đất của đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 1,9 ha.

** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*

Nhu cầu sử dụng đất của đất khu vui chơi giải trí công cộng đến năm 2030, huyện xác định tăng thêm 105,52 ha.

** Đất sông, ngòi, kênh, rạch suối*

Nhu cầu sử dụng đất của đất sông, ngòi, kênh, rạch suối đến năm 2030, huyện xác định giảm 40,45 ha.

2.2.3. Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.

Bảng 8: Bảng cân đối chỉ tiêu sử dụng đất huyện Kon Plông.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+) Giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		137.124,57	100,00	137.124,57	100,0	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	131.787,29	96,11	126.270,06	92,09	-5.517,23
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.011,09	2,93	3969,88	2,90	-41,21
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.007,06	1,46	1965,85	1,43	-41,21
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.657,22	8,50	10480,52	7,65	-1.176,7
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.522,85	3,30	3511,87	2,56	-1.010,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	39.374,00	28,71	8884,10	6,48	-30.489,90
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00	29627,00	21,61	29.627,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	71.995,61	52,50	68731,89	50,12	-3.263,72
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	29,63	0,02	32,91	0,02	3,28
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	196,87	0,14	1.031,89	0,75	835,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.529,21	3,30	10.070,16	7,34	5540,96
2.1	Đất quốc phòng	CQP	18,62	0,01	2298,73	1,68	2280,11
2.2	Đất an ninh	CAN	2,03	0,001	2,03	0,001	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00	70,00	0,05	70,00
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	9,47	0,01	1392,44	1,02	1.382,97
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	425,37	0,31	454,15	0,33	28,78
	Đất phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản	SKS			0,60	0,0004	0,60
2.7	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	13,47	0,01	19,50	0,01	6,03
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.471,04	1,80	3.772,61	2,75	1.301,57
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	515,83	0,38	851,10	0,62	335,27
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	33,49	0,02	148,52	0,10	115,03

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+) Giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Đất cơ sở văn hoá	DVH	4,51	0,003	7,61	0,01	3,10
	Đất cơ sở y tế	DYT	2,94	0,002	2,94	0,002	0,00
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	49,80	0,04	51,70	0,04	1,90
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	5,58	0,004	97,68	0,07	92,10
	Đất công trình năng lượng	DNL	1.795,91	1,31	2436,59	1,78	640,68
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,20	0,002	4,04	0,003	1,84
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,67	0,003	5,67	0,004	1,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,04	0,001	45,08	0,03	44,04
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,81	0,005	22,21	0,02	15,40
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà hỏa táng	NTD	47,77	0,03	106,87	0,08	59,10
	Đất chợ	DCH	0,49	0,0004	2,10	0,002	1,61
	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			9,92	0,01	9,92
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,05	0,01	117,57	0,09	105,52
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	515,88	0,38	771,97	0,56	256,09
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	194,21	0,14	369,78	0,27	175,57
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,50	0,02	28,37	0,02	4,87
2.13	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,88	0,004	6,78	0,005	1,90
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	735,47	0,54	695,02	0,51	-40,45
2.16	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC	12,08	0,01	12,08	0,01	0,00
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,98	0,001	39,11	0,03	37,13
3	Đất chưa sử dụng	CSD	808,07	0,59	784,35	0,57	-23,72

a. Đất nông nghiệp

Quỹ đất nông nghiệp hiện trạng năm 2020 là 131.787,29 ha, đến năm 2030 thực giảm 5.517,23 ha so với hiện trạng năm 2020.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp là 126.270,06 ha, chiếm 92,09 % diện tích đất tự nhiên.

Trong đó: chi tiết từng loại đất nông nghiệp như sau.

- Đất trồng lúa: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 3.969,88 ha, đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa còn 3.969,88 ha, chiếm 2,9% tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 41,21 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 7,14 ha.
- + Chuyển sang đất giao thông 0,38 ha.
- + Chuyển sang đất thủy lợi 6 ha.
- + Chuyển sang đất năng lượng 22,49 ha.
- + Chuyển sang đất tôn giáo 2 ha 22,49 ha.
- + Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ 0,71 ha.
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,09 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,7 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,7 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 10.058,02 ha, đến năm 2030 diện tích đất trồng cây hàng năm khác thực giảm 1.176,7 ha do chuyển sang các loại đất sau:

Giảm 1.198,7 ha do chuyển sang các loại đất:

- + Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 35 ha.
- + Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 5 ha.
- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác 300,22 ha.
- + Chuyển sang đất quốc phòng 4,5 ha.
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 46,14 ha.
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 176,77 ha.
- + Chuyển sang đất giao thông 103,35 ha.
- + Chuyển sang đất thủy lợi 68,53 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục 0,82 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 2,4 ha.
- + Chuyển sang đất năng lượng 182,78 ha.
- + Chuyển sang đất bưu chính, viễn thông 1,84 ha.
- + Chuyển sang đất di tích lịch sử 1 ha.
- + Chuyển sang đất bãi rác, khu xử lý rác thải 15,8 ha.
- + Chuyển sang đất tôn giáo 8,7 ha.
- + Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa 17,34 ha.
- + Chuyển sang đất chợ 0,1 ha.
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 5,07 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 16,49 ha.
- + Chuyển sang đất ở nông thôn 139,96 ha.
- + Chuyển sang đất ở đô thị 45,8 ha.

- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,35 ha.
- + Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác 20,45 ha.

Tăng 22 ha do các loại đất chuyển sang:

- + Đất rừng sản xuất chuyển sang 22 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện là 10.490,02 ha, chiếm 7,65% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 3.341,4 ha, đến năm 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm thực giảm 1.010,98 ha do:

Giảm 1.181,45 ha do chuyển sang các loại đất:

- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác 238,5 ha.
- + Chuyển sang đất quốc phòng 700 ha.
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,7ha.
- + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 15,39 ha.
- + Chuyển sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 5 ha.
- + Chuyển sang đất giao thông 53,47 ha.
- + Chuyển sang đất thủy lợi 3,7 ha.
- + Chuyển sang đất giáo dục 0,84 ha.
- + Chuyển sang đất cơ sở thể dục thể thao 1,1 ha.
- + Chuyển sang đất năng lượng 130,69 ha.
- + Chuyển sang đất bãi rác, bãi xử lý chất thải 1,16 ha.
- + Chuyển sang đất nghĩa trang nghĩa địa 3,7 ha.
- + Chuyển sang đất chợ 1,21 ha.
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,27 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,22 ha.
- + Chuyển sang đất ở nông thôn 46,04 ha.
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 5,89 ha.
- + Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác 13,15 ha.

Tăng 210,47 ha do các loại đất chuyển sang:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 35 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 175,47 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện là 3.511,87 ha, chiếm 2,56% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất rừng phòng hộ*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 8.884,1 ha, đến năm 2030, đất rừng phòng hộ thực giảm 30.489,9 ha trong đó:

- + Chuyển sang rừng đặc dụng 29.627 ha.
- + Chuyển sang đất quốc phòng 800 ha.
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 18,66 ha.
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 2,93 ha.

+ Chuyển sang đất bãi rác, bãi xử lý chất thải 1,5 ha.

+ Chuyển sang đất năng lượng 39,81 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện là 8.884,1 ha, chiếm 6,48% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất rừng đặc dụng*: Đến năm 2030, đất rừng đặc dụng thực tăng 29.627 ha do chuyển từ đất rừng phòng hộ sang.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất rừng đặc dụng của huyện là 29.627 ha, chiếm 21,61% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất rừng sản xuất*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 68.723,35 ha, đến năm 2030 đất rừng sản xuất thực giảm 3.263,72 ha trong đó:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 22 ha.

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 175,47 ha.

+ Chuyển sang đất rừng đặc dụng 8.207,4 ha.

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác 298,3 ha.

+ Chuyển sang đất quốc phòng 804,14 ha.

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp 4,5 ha.

+ Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 1.167,45 ha.

+ Chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 19,85 ha.

+ Chuyển sang đất cơ sở vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 6,03 ha.

+ Chuyển sang đất giao thông 172,04 ha.

+ Chuyển sang đất thủy lợi 26,8 ha.

+ Chuyển sang đất cơ sở văn hóa 3,1 ha.

+ Chuyển sang đất cơ sở giáo dục 0,24 ha.

+ Chuyển sang đất thể thao 88,3 ha.

+ Chuyển sang đất năng lượng 152,52 ha.

+ Chuyển sang đất bãi rác, khu xử lý chất thải 25,58 ha.

+ Chuyển sang đất tôn giáo 4,7 ha.

+ Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa 35,35 ha.

+ Chuyển sang đất chợ 0,3 ha.

+ Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,55 ha.

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 88,11 ha.

+ Chuyển sang đất ở nông thôn 66,09 ha.

+ Chuyển sang đất ở đô thị 123,88 ha.

+ Chuyển sang đất trụ sở cơ quan 2,2 ha.

+ Chuyển sang đất công trình của tổ chức sự nghiệp công lập 1,24 ha.

+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác 3,53 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 68.731,89 ha, chiếm 50,12% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ

quy hoạch là 27,91 ha, đến năm 2030, đất nuôi trồng thủy sản tăng 3,28 ha trong đó:

Giảm 1,62 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

Tăng 5 ha do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm khác.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 32,91 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất nông nghiệp khác*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 194,87 ha, đến năm 2030 đất nông nghiệp khác thực tăng 835,02 ha trong đó:

Tăng 837,02 ha do chuyển từ các loại đất sau chuyển sang:

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 300,22 ha.

+ Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 238,5 ha.

+ Chuyển từ rừng sản xuất sang 298,3 ha.

Giảm 2 ha do chuyển sang các loại đất.

+ Chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1 ha.

+ Chuyển sang đất năng lượng 1 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện là 1.031,89 ha, chiếm 0,75% tổng diện tích tự nhiên.

b) Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2030 là 10.070,16 ha, tăng 5.540,96 ha so với năm hiện trạng sử dụng đất năm 2020, chiếm 7,34 % tổng diện tích đất tự nhiên. Cụ thể từng loại đất như sau:

- *Đất quốc phòng*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 18,62 ha, đến năm 2030, đất quốc phòng thực tăng 2.280,11 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 4,5 ha.

+ Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 700 ha.

+ Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang 800 ha.

+ Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 826,14 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng của huyện là 2.298,73 ha, chiếm 1,68% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất an ninh*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,03 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất an ninh không có biến động và chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất cụm công nghiệp*: Quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất cụm công nghiệp thực tăng 70 ha do chuyển từ các loại đất sang:

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 46,14 ha.

+ Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 4,5 ha.

+ Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 0,7 ha.

+ Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang 18,66 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện là 70 ha chiếm 0,05% tổng diện tích đất tự nhiên.

- *Đất thương mại, dịch vụ*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 9,47 ha. Quy hoạch đến năm 2030, đất thương mại dịch vụ thực tăng 1.382,97 ha do các loại đất sau chuyển sang:

- + Chuyển từ đất trồng lúa sang 7,14 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 176,77 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 15,39 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 1.167,45 ha.
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 1,62 ha.
- + Chuyển từ đất sông, ngòi, kênh, rạch suối sang 0,3 ha.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất thương mại dịch vụ là 1.392,44 ha chiếm 1,02% diện tích tự nhiên của huyện.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 425,37 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực tăng 28,78 ha do các loại đất chuyển sang:

- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 5 ha.
- + Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang 2,93 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 19,85 ha.
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác sang 1 ha.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 454,15 ha, chiếm 0,33% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 0,6 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản không có biến, giữ nguyên ở mức 0,6 ha chiếm 0,0004% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 13,47 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm thực tăng 6,03 ha do chuyển từ đất rừng sản xuất sang.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm là 19,5 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

- *Đất phát triển hạ tầng*: Quy hoạch đến năm 2030, đất phát triển hạ tầng thực tăng 1.301,57 ha so với năm hiện trạng sử dụng đất năm 2020. Đến hết năm 2030, đất phát triển hạ tầng của huyện có tổng diện tích 3.774,77 ha, chiếm 2,63% tổng diện tích tự nhiên. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ *Đất giao thông*: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 515,83 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất giao thông thực tăng 325,27 ha do các loại đất chuyển sang.

- + Chuyển từ đất trồng lúa 0,38 ha.

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 103,35 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 53,47 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 172,04 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 6,04 ha.

Như vậy đến năm 2030 diện tích đất giao thông là 851,1 ha, chiếm 0,62% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất thủy lợi: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 33,49 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất thủy lợi thực tăng 115,03 ha do các loại đất sau chuyển sang.

- + Chuyển từ đất trồng lúa 6 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 59,33 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 3,7 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 26,8 ha.
- + Chuyển từ đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 9,7 ha.

Như vậy đến năm 2030, đất thủy lợi có diện tích 148,52 ha, chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1.795,91 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất công trình năng lượng thực tăng 640,68 ha do các loại đất chuyển sang:

- + Chuyển từ đất trồng lúa sang 22,49 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 182,78 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 130,69 ha.
- + Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang 39,81 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 152,52 ha.
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác sang 1 ha.
- + Chuyển từ đất sông ngòi, kênh, rạch, suối sang 30,45 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng sang 10,25 ha.

Như vậy đến năm 2030, đất công trình năng lượng có diện tích 2.431,83 ha, chiếm 1,73 % tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,2 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất công trình bưu chính viễn thông thực tăng 1,84 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang.

Như vậy đến năm 2030, đất công trình bưu chính viễn thông có diện tích 4,04 ha chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất cơ sở văn hóa: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 4,51 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất cơ sở văn hoá thực tăng 3,1 ha do chuyển từ đất rừng sản xuất sang.

Như vậy đến năm 2030, đất cơ sở văn hóa có diện tích 7,61 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất cơ sở y tế: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là

2,94 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất cơ sở y tế không có thay đổi so với hiện trạng thống kê năm 2020. Đến năm 2030 diện tích đất y tế là 2,94 ha chiếm 0,002% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 49,8 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất cơ sở giáo dục đào tạo thực tăng 1,9 ha, trong đó:

Tăng 0,81 ha do được chuyển từ các loại đất:

- + Chuyển từ đất trồng hàng năm 0,82 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,84 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 0,24 ha.

Như vậy đến năm 2030, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích 51,7 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 5,58 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất cơ sở thể dục thể thao thực tăng 92,1 ha, trong đó:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng khác năm 2,4 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,1 ha.
- + Chuyển từ đất trồng rừng sản xuất 88,3 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng sang 0,3 ha.

Như vậy đến năm 2030, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích 97,68 ha, chiếm 0,07 % tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất chợ: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 0,49 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất chợ tăng 1,61 ha, trong đó:

Tăng 1,61 ha do được chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,1 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,21 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 0,3 ha.

Như vậy đến năm 2030, đất chợ có diện tích 2,1 ha, chiếm 0,002% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1,04 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất bãi thải, xử lý chất thải thực tăng 44,04 ha, trong đó:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 15,8 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 1,16 ha.
- + Chuyển từ đất rừng phòng hộ sang 1,5 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 25,28 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 45,08 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 6,81 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất cơ sở tôn giáo thực tăng 15,4 ha,

trong đó:

Tăng 15,4 do được chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa sang 2 ha
- + Chuyển từ đất cây hàng năm 8,7 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 4,7 ha.

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 22,21 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 47,77 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng thực tăng 59,1 ha, do chuyển từ các loại đất sang.

- + Chuyển từ đất trồng lúa sang 0,71 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 17,34 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 3,7 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 35,35 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng sang 2 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 106,87 ha, chiếm 0,08 % tổng diện tích tự nhiên.

- Đất ở nông thôn: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 515,88 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất ở nông thôn thực tăng 256,09 ha do các loại đất chuyển sang.

- + Chuyển từ đất trồng lúa 1,7 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 139,96 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 46,04 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 66,09 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 2,3 ha.

Như vậy đến năm 2030, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện là 771,97 ha, chiếm 0,56% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất ở đô thị: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 194,21 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất ở đô thị thực tăng 175,57 ha, do các loại đất chuyển sang.

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 45,8 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 5,89 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất 123,88 ha.

Như vậy đến năm 2030, diện tích đất ở đô thị của huyện là 369,78 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 23,5 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất trụ sở cơ quan thực tăng 4,87 ha do các loại đất chuyển sang.

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 0,35 ha.

- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 0,42 ha.
- + Chuyển từ đất rừng rừng sản xuất sang 2,2 ha.
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 0,1 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng sang 1,8 ha.

Như vậy, đến năm 2030, đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện là 28,37 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 4,88 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp thực tăng 1,9 ha do chuyển từ các loại đất sang.

- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 1,24 ha.
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng sang 0,67 ha.

Như vậy đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 6,78 ha, chiếm 0,005% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 12,05 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất khu vui chơi giải trí công cộng thực tăng 105,52 ha do chuyển từ các loại đất:

- + Chuyển từ đất trồng lúa sang 0,7 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 16,49 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 0,22 ha.
- + Chuyển từ đất rừng sản xuất sang 88,11 ha.

Như vậy, đất khu vui chơi giải trí công cộng đến năm 2030 là 117,57 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất sông, ngòi, kênh: Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 695,02 ha, đến năm 2030 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thực giảm 40,45 ha do chuyển sang đất các loại đất:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,3 ha.
- + Chuyển sang đất thủy lợi 9,7 ha.
- + Chuyển sang năng lượng 30,45 ha.

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 695,02 ha chiếm 0,51% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 12,08 ha, quy hoạch đến năm 2030, đất có mặt nước chuyên dùng không thay đổi về diện tích so với hiện trạng thống kê năm 2020.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất mặt nước chuyên dùng là 12,08 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1,98 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất phi nông nghiệp khác tăng 39,11 ha do chuyển từ các loại đất sang:

- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 20,45 ha.

- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 13,15 ha.
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang 3,53 ha.
- + Đất chưa sử dụng chuyển sang 3,9 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 39,11 ha, chiếm 0,03 % tổng diện tích tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích không thay đổi mục đích trong giai đoạn quy hoạch là 784,35 ha, quy hoạch đến năm 2030 đất chưa sử dụng giảm 23,71 ha do chuyển sang các loại đất.

- + Chuyển sang đất giao thông 6,04 ha.
- + Chuyển sang đất thể thao 0,3 ha.
- + Chuyển sang đất năng lượng 10,25 ha.
- + Chuyển sang đất nghĩa trang, nghĩa địa 2 ha.
- + Chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng 0,35 ha.
- + Chuyển sang đất ở nông thôn 2,3 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở của tổ chức sự nghiệp 0,67 ha.
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,8 ha.

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng là 39,11 ha, chiếm 0,03 % tổng diện tích tự nhiên.

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước

Dự kiến quỹ đất cho mục đích trồng lúa quy hoạch đến năm 2030 là 3.969,88 ha, chiếm 2,9 % tổng diện tích tự nhiên, trong đó các xã, thị trấn cụ thể như sau:

Bảng 9: Diện tích, cơ cấu khu vực chuyên trồng lúa nước

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích các khu vực chuyên trồng lúa nước đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)
1	TT Măng Đen	544,12	13,71
2	Xã Đắk Nén	241,11	6,07
3	Xã Đắk Ring	200,89	5,06
4	Xã Đắk Tăng	297,01	7,48
5	Xã Hiếu	676,17	17,03
6	Xã Măng Buk	868,42	21,88
7	Xã Măng Cành	391,55	9,86
8	Xã Ngok Tem	320,91	8,08
9	Xã Pờ Ê	429,70	10,82
Tổng		3.969,88	100,00

2.3.2. Khu vực chuyên trồng cây hàng năm

Dự kiến quỹ đất cho mục đích trồng cây hàng năm khác quy hoạch đến năm

2030 là 10.480,52 ha, chiếm 7,65% tổng diện tích tự nhiên, trong đó các xã, thị trấn cụ thể như sau:

Bảng 10: Diện tích, cơ cấu khu vực chuyên trồng cây hàng năm

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích các khu vực trồng cây lâu năm đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)
1	TT Măng Đen	556,01	5,28
2	Xã Đắk Nén	961,54	9,13
3	Xã Đắk Ring	1.462,58	13,89
4	Xã Đắk Tăng	647,84	6,15
5	Xã Hiếu	861,05	8,18
6	Xã Măng Buk	699,01	6,73
7	Xã Măng Cành	2.066,38	19,62
8	Xã Ngok Tem	2.287,89	21,73
9	Xã Pờ Ê	938,22	9,29
Tổng		10.480,52	100,00

2.3.3. Khu vực chuyên trồng cây lâu năm

Dự kiến quỹ đất cho mục đích trồng cây lâu năm quy hoạch đến năm 2030 là 3.511,87 ha, chiếm 2,56% tổng diện tích tự nhiên, trong đó các xã, thị trấn cụ thể như sau:

Bảng 10: Diện tích, cơ cấu khu vực chuyên trồng cây lâu năm

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích các khu vực trồng cây lâu năm đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)
1	TT Măng Đen	576,74	16,24
2	Xã Đắk Nén	208,63	5,87
3	Xã Đắk Ring	642,15	18,08
4	Xã Đắk Tăng	323,36	9,10
5	Xã Hiếu	369,92	10,41
6	Xã Măng Buk	30,33	0,85
7	Xã Măng Cành	617,16	17,38
8	Xã Ngok Tem	474,91	13,37
9	Xã Pờ Ê	268,67	8,69
Tổng		3.511,87	100,00

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Trong quá trình xây dựng phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp với các cơ quan hữu quan tiến hành rà soát, đánh giá xác định toàn bộ nguồn khoáng sản, vật liệu sản xuất hiện có trên địa bàn (về chủng loại, trữ lượng, chất lượng, địa điểm) để đưa vào danh mục quy hoạch; làm cơ sở phục vụ cho công tác đấu giá, đấu thầu khai thác; đảm bảo sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, tránh gây lãng phí và ảnh hưởng đến môi trường.

Huyện Kon Plông đã đánh giá tiềm năng, lợi thế, khả năng huy động nguồn vốn,... từ đó đã cập nhật, bổ sung các dự án đầu tư bất động sản (dự án nhà ở, du lịch, thương mại, công nghiệp,...) vào phương án điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các chủ dự án triển khai thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát, bổ sung các dự án đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương trên cơ sở đảm bảo sử dụng quỹ đất hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm.

Phương án điều chỉnh quy hoạch cũng đảm bảo bố trí đủ quỹ đất cho quá trình phát triển đô thị, hình thành các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Gắn quá trình phát triển đô thị, hình thành các khu, điểm dân cư với việc đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm trên địa bàn huyện; đối với mỗi dự án thực hiện đồng thời với việc xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Việc chi cho hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn được thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng đảm bảo an ninh lương thực

Phương án quy hoạch sử dụng đất duy trì diện tích đất trồng lúa của huyện đến năm 2030 là 3.969,88 ha.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và hỗ trợ người trồng lúa theo

quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ sẽ giúp người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, gắn bó với đồng ruộng.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Từ nay đến năm 2030, dân số huyện Kon Plông sẽ gia tăng nhanh, cùng với đó là nhu cầu chỗ ở cho lao động đến làm việc tại các nhà máy thuộc các cụm công nghiệp, các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, khu sản xuất kinh doanh tập trung làm cho nhu cầu chỗ ở tăng thêm. Sự gia tăng dân số ở các địa phương cũng gây áp lực đòi hỏi mở rộng các khu dân cư, tăng quỹ đất ở, hình thành các khu dân cư mới, đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tự phát chuyển đổi mục đích sử dụng đất (không phép) từ đất nông nghiệp sang đất ở. Phương án quy hoạch cũng đã xem xét cả nhu cầu đất ở tái định cư khi giải phóng mặt bằng xây dựng các khu đô thị, cụm công nghiệp, khu khai thác vật liệu xây dựng và quỹ đất đầu tư hạ tầng cho các cụm công nghiệp.

Phương án quy hoạch sử dụng đất bố trí tăng thêm đất ở tại nông thôn là 256,09 ha và đất ở đô thị là 175,57 ha. Diện tích đất ở tăng thêm được xác định trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các địa phương, có xét đến khả năng thực hiện đối với mỗi dự án. Giải quyết quỹ đất ở tăng thêm chủ yếu thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, xây dựng các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với các cụm công nghiệp. Tại các khu dân cư hiện có, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với các diện tích xen kẹt, chuyển diện tích đất vườn ao liền kề sang đất ở.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Theo phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030, Trong thời gian tới, xây dựng khu đô thị Kon Plông trên địa bàn thị trấn nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa, xứng đáng là trung tâm văn hóa, kinh tế - xã hội của huyện Kon Plông.

Nhằm xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, khai thác lợi thế ven Quốc lộ 24 và tỉnh lộ 676 và các khu công nghiệp, trong thời gian tới định hướng phát triển các khu đô thị, khu dân cư.

Hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện mặc dù đã được quan tâm đầu tư tuy nhiên đến nay nhiều lĩnh vực như du lịch, khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí, dịch vụ còn thiếu. Do vậy, trong phương án quy hoạch, huyện đã tranh thủ mọi nguồn đầu tư phát triển các khu du lịch, các trung tâm dịch vụ và khu công nghiệp. Đất dành cho các nhu cầu này là khá lớn và không thể không đáp ứng tuy nhiên cần hạn chế tối đa bố trí vào đất trồng lúa có hiệu quả kinh tế cao.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên

Khi triển khai các nội dung phát triển trong quy hoạch, sẽ gây tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên: đất, nước, không khí; các thành phần của đa dạng sinh học; các yếu tố của môi trường kinh tế - xã hội: sự phân hóa giàu nghèo, sức khỏe người dân, an ninh, an toàn xã hội.

- Đảm bảo diện tích đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh, dịch vụ thương mại và xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng...

Kết quả đánh giá cho thấy các hoạt động phát triển hệ thống giao thông, các khu sản xuất...làm thay đổi mục đích sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu lao động, đây là những nguồn gây tác động có cường độ cao, quy mô lớn; đồng thời có khả năng tác động tích dồn đến các yếu tố môi trường. Các hoạt động phát triển hệ thống khai thác nước, điện; những tác động xấu này xảy ra trong quá trình thực hiện dự án về thời gian gây tác động là tương đối dài (thời kỳ đến năm 2030). Để khắc phục và giảm thiểu những tác động này cần thiết phải thực hiện các giải pháp đề xuất trong báo cáo, đặc biệt là những giải pháp liên quan đến quản lý và xử lý các chất thải do các hoạt động phát triển gây ra.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã cơ bản đáp ứng đủ đất để xây các khu, bãi chôn lấp chất thải; quy hoạch các nghĩa trang, nghĩa địa tập trung theo từng xã trên địa bàn huyện; xây dựng hệ thống kênh mương, rãnh thoát nước trong khu dân cư. Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái. Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các cơ sở công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan,... nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững. Tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

1. Bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường đất nông nghiệp, môi trường nông thôn
2. Bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp, các khu làng nghề
3. Bảo vệ môi trường đô thị và khu dân cư nông thôn
4. Ưu tiên bố trí ngân sách để hỗ trợ người dân cải tạo, bồi bổ đất sản xuất nông nghiệp và các dự án về phát triển ngành nghề nông thôn, thu hút lao động, nghiên cứu các giống cây trồng thích ứng với điều kiện suy thoái đất hiện tại của huyện
5. Tăng cường thực hiện Luật bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.
- Nâng cao hiệu quả đổi mới doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp nhà nước phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của huyện. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới; khuyến khích các thành phần kinh tế nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.
- Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.
- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân, ngoài quốc doanh. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

2.2. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để đảm bảo quy hoạch sử dụng đất mang tính hiện thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã, thị trấn trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

Sau khi quy hoạch sử dụng đất huyện Kon Plông được phê duyệt, UBND huyện tổ chức thực hiện như sau:

- Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đến 2030 của huyện Kon Plông tới các xã, thị trấn, các ban ngành và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời kế hoạch sử dụng đất. Kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo Nghị định 01/2017/NĐ - CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo hướng sử dụng có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, thực hiện nghiêm các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xác định.

- Kế hoạch sử dụng đất từng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch xây dựng của các đô thị, quy

hoạch thị trấn, trung tâm xã.

- Phải có kế hoạch sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để tạo động lực phát triển khu vực theo dự án lớn. Các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phải đầu tư trước một bước. Kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với kế hoạch đô thị hóa.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất.

- Khi xem xét giải quyết giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư, nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ và khả thi.

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, như sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho của tổ chức và cá nhân trong quá trình quản lý sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, để sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

- Thực hiện cơ chế công khai các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án đến quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra giám sát.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi như: cho thuê đất, giao đất thông thoáng, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư...để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp..

- Thực hiện tốt chính sách đất đai, nhà ở cho người có công, các đối tượng chính sách, đảm bảo cho người nghèo có đất canh tác và có cơ hội có nhà ở.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về nguồn vốn và những ưu đãi cần thiết cho các hộ chuyển quyền sử dụng đất để làm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư để các hộ này có thể làm các dịch vụ phục vụ công nhân trong các khu công nghiệp, nhất là về dịch vụ về nhà ở cho công nhân ở các khu công nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính khoa học, tính chính xác và khả thi cao.

Để đạt được những mục tiêu đề ra, Đảng bộ và chính quyền UBND huyện Kon Plông cần thực hiện tốt các giải pháp: giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường; giải pháp tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đồng thời có các chủ trương, chính sách phù hợp, cùng với những biện pháp thực hiện tích cực để huy động được các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực nhằm khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của huyện. Bên cạnh nhân tố nội lực, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài cũng rất quan trọng, không thể thiếu, mà trước hết là sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Kon Tum.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh, các Sở, Ngành có chính sách đầu tư thoả đáng tạo điều kiện phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

2. Đề nghị tỉnh quan tâm, hỗ trợ huyện trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tăng cường thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.